

công tác này” đã được người dẫn đường về ém ở ngôi đền rìa làng an toàn. Hôm sau “nhóm công tác” 3 người được bí mật đưa đến ở nhà cụ giáo Liên, một tri thức tiến bộ có uy tín. Được cụ che chở và giúp đỡ việc bắt liên lạc với xứ ủy Bắc Kỳ kịp thời ngay sau đó mấy hôm. Ít ngày sau ông Trần Hiệu được đồng chí Trần Quốc Hoàn, Phó bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ gặp gỡ và giao nhiệm vụ dùng điện đài đã có bí mật ở tại ngôi chùa xóm La Dương xã La Phù huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây có nhiệm vụ:

- Giữ liên lạc thường xuyên bình thường như không có chuyện gì xảy ra với quân đồng minh ở Can-cút-ta.

- Liên lạc bằng điện đài giữa xứ uỷ và Trung ương

- Chuẩn bị chương trình mở lớp công tác trinh sát quân sự cho xứ uỷ.

Thế lá ông và những chiến sĩ cộng sản từ Ma-đa-ga-xca trở về đã liên lạc được với tổ chức Đảng và tiếp tục sự nghiệp cách mạng của mình. Cả 3 chiến sĩ cộng sản trong nhóm trở về ngày ấy đều trưởng thành và giữ các cương vị có trọng trách cao của Đảng và Quân đội. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọc, sau này là Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, đồng chí Nguyễn Văn Minh (tức Phòng), sau này làm Chánh toà dân sự Tòa án nhân dân tối cao. Riêng ông Vũ Văn Địch (đồng chí Trần Hiệu) gắn bó với quân đội, sau làm Cục trưởng Cục tình báo quân sự (người Cục trưởng tình báo đầu tiên của QĐND Việt Nam).

Những cống hiến của đồng chí Trần Hiệu với ngành tình báo quân sự đã được Đảng và Quân đội đánh giá rất cao, là một trong những người có công lớn trong việc xây dựng ngành trường thành về mọi mặt, có bước phát triển vượt bậc cả lực lượng và nghiệp vụ chuyên môn, bước đầu từ một ngành “đặc biệt” non trẻ.

**Ghi theo lời kể của ông Vũ Mạnh Kha**

## **SỐ 2: TRƯỜNG KỶ KHÁNG CHIẾN TƯỜNG LỢI**

### **Chiến sĩ tình báo Trần Văn Thịnh**

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp có một chiến sĩ tình báo của ta đã lọt vào cơ quan cao cấp của quân đội Pháp, hoạt động công khai với binh phong là một quân nhân. Đó là ông Trần Văn Thịnh, người con của quê hương Bát Trảng, Gia Lâm, Hà Nội.

Ông Thịnh sinh năm 1926, trong một gia đình tiểu thương, bố được thừa hưởng một gia sản khá lớn của các cụ để lại, mẹ là con một nhà nho nghèo, bà rất hiểu đời và thông thạo về đạo giáo. Lúc nhỏ ông Thịnh được gửi sang Bắc Ninh học hết tiểu học, lên hệ trung học ông được về học tại trường Thăng Long, Hà Nội. Ở đây ông được giác ngộ cách mạng và tham gia các vụ rải truyền đơn, viết khẩu hiệu tố cáo chế độ thực dân Pháp. Năm 1943, ông thi đỗ trường Mĩ thuật Đông Dương và được theo học ngành gốm sứ. Sau năm 1945, ông tham gia vào các tổ chức ở địa phương như dạy văn hóa, vẽ tranh ảnh, viết khẩu hiệu, phụ trách thiếu nhi... Có lúc ông được phân công canh gác cho các cuộc họp của tổ chức thanh niên tiến bộ ở làng. Cuối năm 1945, Ban tình báo Bắc Ninh thuộc Quân ủy hội giác ngộ về tuyển dụng, ông được đưa đi huấn luyện và bước vào cuộc đời hoạt động tình báo từ đó.

Từ sau thất bại Thu Đông 1947, quân Pháp tập trung hàng vạn tên lính thủy-lục-không quân mở trận đánh quyết định vào căn cứ đầu não kháng chiến Việt-Bắc, nhưng chúng đã bị tổn thất nặng nề. Thực dân Pháp cấu kết với đế quốc Mỹ đưa ra "kế hoạch tình thế 5 điểm", trong đó đề cập đến vấn đề phát triển quân nguy đủ sức làm nhiệm vụ chiếm đóng những vùng đã được bình định. Năm được âm mưu chiến lược của Pháp-Mỹ, Cục tình báo chủ trương cài cắm điệp viên ta vào những bộ phận cơ mật của nguy quân, nguy quyền ngay từ thời kỳ đầu chúng được thành lập để thu thập tin tức. Ông Thịnh được Cục trưởng tình báo Trần Hiệu giao nhiệm vụ tìm cách lọt vào hàng ngũ địch. Với vốn tiếng Pháp, tiếng Anh khá vững ông Thịnh mở quan hệ với nhiều thành phần trong xã hội lúc bấy giờ, nhất là học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp đang đi tìm việc làm. Được biết Nha nhân viên Bộ Quốc phòng Pháp đang cần tuyển các loại thư ký có trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ vững, tình nguyện vào làm việc ở Sài Gòn, với cái tên mời là Vũ Trấn, ông Thịnh đăng ký học ngay một nghề thư ký, đồng thời tăng cường củng cố thêm trình độ ngoại ngữ của mình. Sau đó ông đăng ký thi tuyển nghề thư ký. Thi xong, biết là sẽ đậu, ông ra vùng tự do để xin ý kiến chỉ đạo của tổ chức. Cục trưởng Trần Hiệu căn dặn ông rất kỹ lưỡng và chuẩn bị tư tưởng cho ông để bước vào hoạt động đơn tuyến trong lòng địch. Ông biết từ đây sẽ phải đối mặt với muôn vàn thử thách quyết liệt diễn ra trước mũi kẻ thù. Đó là sự đơn độc chiến đấu trước những âm mưu thủ đoạn của kẻ địch là

sự cảm dỗ vật chất của cuộc sống hưởng lạc...

Giữa tháng 10 năm 1949, ông nhận được thư của Minidefenat Hà Nội báo trúng tuyển, mời đến cơ quan làm thủ tục nhận việc và chờ chuyển vào Sài Gòn. Đầu năm 1950, ông đến Sài Gòn và làm quen ngay được với một viên chuẩn úy, trợ lý giám đốc Nha nhân viên Bộ Quốc phòng. Ngay từ đầu ông đã chiếm được cảm tình của viên chuẩn úy và tranh thủ mở quan hệ với các nhân vật khác. Từ đó ông được nhận về làm việc tại nha này và được giao công việc lưu trữ các loại hồ sơ đi, đến. Trong khi chưa thành lập Bộ tổng tham mưu (BTTM) quân đội ngụy, Nha nhân viên đặc trách giải quyết các vấn đề nhân sự. Từ việc tuyển mộ nhân viên, phân bổ lực lượng bảo đảm chế độ, chính sách thưởng, phạt... Tiếp xúc với các công việc đó, ông có điều kiện thuận lợi nắm được nhiều tình hình quân địch. Đến tháng 5-1952, ông được điều về Phòng 1-BTTM ngụy mới được thành lập và được bố trí phụ trách việc nghiên cứu, theo dõi tổ chức hoạt động của phụ lực quân. Đây là loại lực lượng không chính quy hoặc bán chính quy mà quân đội viễn chinh hoặc thuộc địa Pháp thường tổ chức để xây dựng những đội cảm tử, biệt động, biệt kích, chống quân du kích. Lực lượng này cũng được sử dụng trong các dịch vụ như khâu xác, xây dựng và sẵn sàng bổ sung cho các đơn vị thiếu quân.

Ngoài việc nghiên cứu, theo dõi về tổ chức và hoạt động của lực lượng phụ lực quân ông còn được giao quản lý hồ sơ công văn kể cả tài liệu mật liên quan đến tổ chức lực lượng quân ngụy, với tài thảo vạt của mình và với khả năng thành thạo các công việc ông là trợ tá đắc lực cho một viên trung úy và được viên đại úy người Pháp là Trưởng phòng 1 tin dùng. Với cương vị của mình ông có nhiều thuận lợi trong việc mở quan hệ với các phòng trong BTTM, nhất là Phòng tác chiến, Phòng tiếp vận, Phòng nghiên cứu tổng hợp, với các nha, sở và bộ chỉ huy các quân binh chủng. Sau một thời gian làm việc, ông được cử đi đào tạo sĩ quan tại trường võ bị liên quân Đá Lạt. Kết thúc khóa học, ông được bổ nhiệm làm Đại đội phó đại đội 2, tiểu đoàn 5-tiểu khu Sa Đéc. Ít lâu sau, ông lại được điều về làm Trưởng phòng 1 và phòng 4 BTTM phụ trách tổng hợp tình hình quân số, súng đạn, xe tăng, tình hình đời sống vật chất, tinh thần của lính.

Để tạo được bình phong ăn ở và làm việc riêng, cũng như để bảo đảm cho việc chuyển giao tài liệu, tin tức, mùa hè năm 1951 ông xin nghỉ phép bay về Hà Nội, thu xếp đưa vợ vào Sài Gòn rồi xin ra ở ngoài doanh trại. Từ đây, ông có điều kiện hoạt động thuận lợi, người vợ nhát mực yêu thương đã trở thành người cộng sự đắc lực. Bà giúp ông sao chép tài liệu, chụp phim, cất giấu, nghi trang tài liệu. Với bình phong là người buôn bán, bà mua hàng gửi máy bay hoặc tàu biển về Hà Nội cho người chị ruột tiêu thụ, qua đó nhiều tài liệu, thư từ được chuyển an toàn đến hộp thư sống đã được quy ước trước.

Từ trong sáo huyệt kẻ thù ông đã tồn tại nhiều năm trong vỏ bọc bộ quân phục Pháp. Giữa trận tuyến thăm lặng một mình ông chiến đấu với quân thù bằng trí tuệ và bản lĩnh của người tình báo Quân đội nhân dân Việt Nam. Sống trong lòng địch giữa thành phố Sài

Gòn xa cách, ngày ngày ông hướng về Hà Nội, theo dõi sát những diễn biến của chiến trường. Ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hoàn toàn bị tiêu diệt, ông mừng vui khôn xiết mà phải giấu kín trong lòng. Trước mắt ông còn nhiều việc phải làm, cuộc chiến âm thầm của ông vẫn còn tiếp diễn

## Gặp mặt kỷ niệm 30 năm phi đội bay quyết thắng ném bom sân bay Tân Sơn Nhất

Ngày 18 tháng 04 năm 2005

Ngày 18-4, tại sân bay Thành Sơn (tỉnh Ninh Thuận), Trung đoàn Không quân 937 đã tổ chức buổi gặp mặt kỷ niệm 30 năm ngày Phi đội bay Quyết thắng ném bom sân bay Tân Sơn Nhất (28-4-1975 - 28-4-2005). Dự buổi gặp mặt có các tướng lĩnh, sĩ quan, cán bộ lão thành cách mạng đã từng tham gia tổ chức và chỉ huy trận đánh, những chiến sĩ phi công trẻ của Trung đoàn Không quân 937 và đặc biệt là 5 phi công trực tiếp lái 5 máy bay ném bom sân bay Tân Sơn Nhất gồm:

Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Văn Lục, Hán Văn Quảng, Từ Đễ, Trần Văn On.

Cách đây 30 năm, đúng 16 giờ 30 phút ngày 28-4-1975, phi đội bay Quyết thắng gồm 5 chiếc A37 do 6 phi công điều khiển đã bí mật cất cánh từ sân bay Thành Sơn để ném bom sân bay Tân Sơn Nhất. Trận đánh đã phá hủy 24 máy bay, tiêu diệt hàng trăm tên địch và làm tê liệt hoàn toàn sân bay Tân Sơn Nhất, góp phần vào thắng lợi nhanh chóng của chiến dịch Hồ Chí Minh. Điều đáng tự hào là 5 máy bay A37 ném bom Tân Sơn Nhất lại chính là những chiếc máy bay của địch mà ta thu hồi được và những phi công trong phi đội chỉ mất 5 ngày luyện tập để bay chuyển loại từ MiG-17 do Liên Xô sản xuất sang lái A37 do Mỹ sản xuất.

 TOP

TTXVN

## 30 năm những cánh bay Quyết thắng

Ngày 20 tháng 04 năm 2005

Phan Rang nóng. Cái nóng toác đất, khô cây và những cơn gió chướng vật vã cũng không ngăn được tình cảm dạt dào, khi các phi công của Phi đội Quyết thắng gặp lại nhau ở chính nơi họ đã cất cánh đi đánh sân bay Tân Sơn Nhất năm nào. Sân bay Thành Sơn rục rờ cờ hoa, tràn ngập nụ cười. Đi đến đâu, tôi cũng nghe mọi người nhắc đến trận đánh lịch sử của Phi đội Quyết thắng ngày 28-4-1975. Ai cũng nóng lòng chờ đợi, để được ngắm nhìn những con người đã góp phần quan trọng vào chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh năm xưa.

Không phải chờ đợi lâu, chiều ngày 17-4 trên sân bay Thành Sơn, những con người đã làm nên một trận đánh kỳ tích trên không cách đây 30 năm đã hiện hiện bình dị, gần gũi ngay trước mặt chúng tôi. Họ ôm chặt lấy nhau như ngày nào đã chiến thắng trở về. Đại tá-Anh hùng LLVT nhân dân Nguyễn Thành Trung, đại tá Từ Đễ, đại tá Nguyễn Văn Lục, đại tá Hàn Văn Quảng, phi công Trần Văn On-mặc quần áo bay, dắt tay nhau đi khắp sân đậu máy bay mà không biết chán. Những dấu tích của ngày 28-4-1975 không còn nhiều, nhưng các anh vẫn nhớ như in từ chỗ đậu máy bay, nơi hạ cánh lúc đã cạn dầu. Đi đến cuối bãi đậu, Nguyễn Thành Trung chỉ tay ra phía xa nói với tôi:

- Chỗ kia là nơi bom của bọn F-5 đã giội xuống lúc 12 giờ đêm ngày 28-4-1975, tức là chỉ 6 tiếng khi chúng tôi đánh Tân Sơn Nhất trở về. Sáng sớm hôm sau, F-5 ở Biên Hòa tiếp tục ra ném bom xuống Thành Sơn một lần nữa. Rất may chỉ có một chiếc A-37 bị hỏng, còn không ai bị thương vong cả.

Cả đoàn bay C.37 vây quanh các thành viên Phi đội Quyết thắng. Nhiều phi công trẻ cứ tìm mọi cách để được đứng gần, hỏi chuyện kinh nghiệm chiến đấu của lớp cha, anh. Họ mời Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Văn Lục, Hàn Văn Quảng, Từ Đễ, Trần Văn On lên buồng lái của những chiếc máy bay chiến đấu. Phi công Trần Văn On có vẻ ngỡ ngàng trước những cánh én màu xanh. Anh thỏ lộ: "Tôi bất ngờ quá. Ngồi trên buồng lái mà cứ run run. Ước gì thời gian quay được trở lại những ngày tháng 4-1975. Đó là mốc thời gian mà tôi đã được cách mạng đổi đời". Thật bất ngờ trong lần gặp mặt truyền thống của Phi đội Quyết thắng lần này, tôi đã được gặp lại những lớp phi công đầu tiên đánh thắng trận đầu của không quân nhân dân Việt Nam. Đã ở độ tuổi "xưa nay hiếm", nhưng Trung tướng Anh hùng Trần Hanh-nguyên Phó tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam, nguyên Tư lệnh Quân chủng PK-KQ, Trung tướng Hoàng Ngọc Điều-nguyên Phó tư lệnh Quân chủng PK-KQ, Thiếu tướng Anh hùng Phạm Ngọc Lan, Thiếu tướng, Phó giáo sư-tiến sĩ Hồ Thanh Minh-nguyên Phó Chủ nhiệm TCKT-người đã trực tiếp chỉ đạo công tác khôi phục lại các máy bay A.37, phục vụ cho Phi đội Quyết thắng cùng các anh hùng Nguyễn Văn Bảy, Lâm Văn Lich vẫn nhanh nhẹn, minh mẫn lạ thường. Đồng chí Trần Hanh bồi hồi nhớ lại: "Mũi đàn tiến công của không quân ta chiều ngày 28-4-1975 vào sân bay Tân Sơn Nhất, là một đòn đánh tuyệt vời, không thể lập lại lần thứ hai. Ngày đó, các phi công của ta còn rất trẻ, mới ngoài đôi mươi à. Chỉ có 5 ngày, mà chính xác hơn là 4 ngày rưỡi họ đã hoàn tất việc chuyển loại từ lái Mic-17 sang lái A.37. Chiến công đó là chiến công của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, của sự lãnh đạo tuyệt vời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lòng dũng cảm, sáng tạo của không quân ta".

Sáng ngày 18-4, hội trường của đoàn không quân C.37 rạng rỡ những vòng tay và nụ cười cho cuộc gặp gỡ, giao lưu giữa Phi đội Quyết thắng, các thế hệ lãnh đạo, chỉ huy và Anh hùng LLVTND của Quân chủng PK-KQ với lớp cán bộ, chiến sỹ đang canh giữ bầu trời hôm nay. Trận đánh lịch sử của 30 năm về trước lại sôi đống hiện về. bởi

những giọng kẻ đầy niềm tự hào của các vị tướng, các Anh hùng không quân và 5 thành viên của Phi đội Quyết thắng.

Sôi động nhất là những câu hỏi của bộ đội dành cho các thành viên trong Phi đội Quyết thắng. Nhiều người băn khoăn: Tại sao chỉ 4, 5 ngày mà các phi công MiG-17 đã lái được A.37, trong khi chuyển loại sang lái các loại máy bay khác nhau của Liên Xô phải mất ít nhất là 3 tháng? Phi đội trưởng Nguyễn Văn Lục nói vui: "Anh Phạm Ngọc Lan đã nói, chuyển từ lái MiG-17 sang A.37 dễ như đang lái xe Von-ga chuyển sang Tô-y-ô-ta. Lúc đó khí thế tiến công của quân ta đã thôi thúc chúng tôi rất nhiều. Nếu chúng tôi không chuyển loại nhanh, sẽ không còn cơ hội để tham gia chiến dịch. Vì vậy, toàn phi đội đã đem hết tinh lực, trí tuệ để chuyển loại cho nhanh. Và chúng tôi đã thành công". Cả hội trường vang lên những tràng pháo tay rộn rã. Những phi công trẻ thì lại tâm đắc với câu chuyện của Anh hùng Nguyễn Thánh Trung. Được Tư lệnh Lê Văn Tri giao nhiệm vụ chiến đấu và dẫn đội bay vào Tân Sơn Nhất, anh đã trấn trở, suy nghĩ rất nhiều. Làm sao dẫn đội đi và về an toàn, chiến đấu đạt hiệu suất cao? Điều mà anh không lường được hết đó là khi phi đội cất cánh, trời đổ mưa rất to từ Phan Rang vào đến Sài Gòn. Nếu anh xuyên mây lên cao để tránh mưa, thì anh em có thể bị lạc đường vì lệnh của trên là không được liên lạc với nhau bằng đối không. Có bay thấp lại sợ đi vào tầm hỏa lực của pháo phóng không ta bắn lên và địa hình phức tạp. Cuối cùng, anh quyết định dẫn đội bay ở độ cao thấp và tránh đạn từ mặt đất bắn lên. Anh Trung nói: "Đến khu vực Nhà Bè, tập hợp đủ 5 máy bay, tôi biết là nhiệm vụ đã được hoàn thành 50%. 50% còn lại là ném bom trúng đích và trở về an toàn". Kết quả ném bom của phi đội rất chuẩn xác, hàng chục chiếc máy bay bị phá hủy, gần 300 tên địch bị tiêu diệt, bảo đảm an toàn cho phái đoàn quân sự của ta trong khu vực trại Đa-vít và đường băng chính cho địch cơ hội rút chạy. Phi công Hàn Văn Quảng lại tâm sự: "Thật lòng, lúc cất cánh, tôi không nghĩ là 5 chiếc máy bay và 6 phi công sẽ trở về đầy đủ, vì trận đánh rất phức tạp, đầy hiểm nguy. Khi bước xuống đường băng, chúng tôi ôm lấy nhau, các đồng chí lãnh đạo quân chủng cũng ôm lấy chúng tôi rung rung nước mắt. Tư lệnh Lê Văn Tri, anh Trần Hanh, Hoàng Ngọc Điều đều nghẹn ngào không nói được thành lời".

Cởi mở và chân thành, vẫn là một đức tính của Trần Văn On. Anh thấy bộ đội không quân nhân dân Việt Nam ngày trước cũng như bây giờ, rất tinh cảm, cởi mở. Phi công ngay trước đây, được sống sung sướng, trọng vọng hơn, nhưng không có tinh đồng đội và sự gắn bó với nhau như phi công cách mạng. Trong suốt thời gian gặp gỡ với các thế hệ cán bộ, chiến sĩ của Đoàn B.70, Trần Văn On luôn được anh em chào đón, gần gũi. Từ đại tá-đoàn trưởng Võ Văn Tuấn, đoàn phó chính trị Nguyễn Kim Cách, đoàn phó Lê Văn Phương, thượng tá Trần Ngọc Đông và các phi công trẻ khác đều hồ hởi, gặp gỡ anh như những người đồng đội. Trần Văn On nói: "Tôi tin rằng, các thế hệ phi công, sĩ quan và chiến sĩ của không quân ta nói chung, Đoàn B.70 nói riêng sẽ phát huy tốt truyền thống của bộ đội Không quân nhân dân Việt Nam anh hùng. Gặp họ, tôi đã được truyền thêm sức mạnh mới. Đó là ý chí chiến đấu, lòng lạc quan, yêu đời và tinh thần vươn lên không ngừng".

## Tấm căn cước của chuẩn tướng Lý Tông Bá

Với trung đoàn 48, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3, trận đánh căn cứ liên hợp Đồng Dù-Củ Chi ngày 29-4-1975 thật sự là một trận đánh ác liệt.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, trung đoàn tiêu diệt đồn Chư Sê ngày 7-3. Tiếp đó ngày 8-3, tiêu diệt chi khu Cẩm Ga-tức quân lỵ Thuận Mẫn, rồi phát triển đánh chiếm thị xã Cheo Reo cùng sư đoàn truy kích địch rút chạy trên đường 7, bắt sống hàng nghìn tù binh thuộc lực lượng quân đoàn 2, quân khu 2 nguy, giải phóng thị xã Tuy Hòa. Cả trung đoàn hy sinh 21 chiến sĩ. Trong trận đánh căn cứ Đồng Dù, nổ súng mở 12 hàng rào dây thép gai xong lúc 5 giờ mà đến 9 giờ 30 phút, bộ đội ta vẫn chưa vào được bên trong căn cứ của địch vì Lý Tông Bá, chỉ huy sư đoàn 25 của nguy kiêm chỉ huy trưởng căn cứ liên hợp này đã phải 12 chiếc xe tăng ra bịt cứng cửa mở. Y còn động viên binh lính dưới quyền: "Các chiến hữu cứ yên tâm chiến đấu, để tôi xem bọn cán binh Bắc kỳ "bụng toàn rau muống" này còn giữ được trò gì nữa" (tin ta thu được của bộ phận kỹ thuật A50 theo dõi sự chỉ huy của địch). Do vậy, khi trung đoàn dùng hỏa khí chống tăng bắn cháy được một số xe tăng của địch, bộ đội ta mới xung phong được vào bên trong căn cứ.

Trong trận này, anh Lê Quang Bình, Trung đoàn trưởng (hiện nay anh Bình là Ủy viên thường vụ, Trưởng ban dân nguyện của Quốc hội khóa XI), tôi là Chính ủy trung đoàn. Chúng tôi kêu gọi các phân đội lùng bắt cho được Lý Tông Bá, nhưng mãi gần tối mới bắt được tên tướng này. Khi ấy Lý Tông Bá đã trút bỏ bộ quân phục, nói dối với bộ đội ta y là thầu khoán dân sự vào trong căn cứ để xây dựng nhà cửa cho quân sự thuê, nên bộ đội ta đã thả cho y chạy trốn ra bến xe Củ Chi, ngồi đợi xe ca trốn về Sài Gòn. May nhờ có các cô du kích Củ Chi chỉ cho bộ đội ta đi tuần tra nên bắt được tên tướng rất nhiều tham vọng này. Khi anh em giải Lý Tông Bá đến, tôi bắt trình và giữ luôn thẻ căn cước của hắn. Kết thúc trận đánh, hoàn thành nhiệm vụ "mở cánh cửa sắt ở tây bắc Sài Gòn" để cho Sư đoàn 10 và các đơn vị phối thuộc làm nhiệm vụ thọc sâu của quân đoàn tiến vào đánh chiếm các mục tiêu lớn như sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu quân đội nguy, trung đoàn đã hy sinh 61 chiến sĩ gấp 3 lần số liệt sĩ của trung đoàn đã hy sinh trong 25 ngày của chiến dịch Tây Nguyên.

Tôi đã giữ chiếc căn cước của tên chuẩn tướng Lý Tông Bá cho đến nay. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử của dân tộc ta, của quân đội ta, tôi đã báo cho anh Lê Mã Lương, Giám đốc Bảo tàng lịch sử Quân sự Việt Nam, xin tặng lại hiện vật này cho nhà bảo tàng.

## Trận đánh ngoài kế hoạch

Ngày 22 tháng 04 năm 2005

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tôi là Chính ủy trung đoàn 48 (sư đoàn 320B-Quân đoàn 1), đơn vị đảm nhiệm mũi thọc sâu chủ yếu đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu nguy. Nhưng trận đánh đầu tiên của trung đoàn lại là trận đánh "ngoài kế hoạch!" - đánh vào Tân Uyên...

Chuyện là: Sau khi đường 16 được mở, khoảng 2 giờ ngày 29-4-1975, trung đoàn 48 được tăng cường các lực lượng xe tăng, pháo binh, công binh, cao xạ... và một tiểu đoàn ô tô vận tải chở quân, từ vị trí triển khai ở phía tây đường 16 được lệnh xuất phát. Theo kế hoạch, trung đoàn (trong đội hình sư đoàn) sẽ cơ động theo "Đường trắng", lên đường 16, rồi rẽ vào "Đường úi" đi Khánh Vân-Bùng-Lái Thiêu, vào nội đô Sài Gòn với mục tiêu chính được giao là đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy. Chủ trương của sư đoàn là quá trình thọc sâu, để bảo đảm thời gian và giảm thương vong, cố gắng vòng tránh bỏ qua các mục tiêu dọc đường. Vì cơ động trên địa hình mới lạ, lại vào ban đêm, nên đoàn xe (370 chiếc) lúc đầu tiến với tốc độ chậm, khi ra đến đường 16 thì đi nhanh hơn. Trời tối, xe đi nhanh, cộng với việc chót và chỉ đường chưa chặt chẽ, nên trinh sát (ở bộ phận đi đầu), đã không nhận ra lối rẽ. Thay cho rẽ phải vào "Đường úi", thì đoàn xe cứ tiến nhanh theo hướng quận lỵ Tân Uyên. Lúc đó khoảng hơn 4 giờ, bộ phận đi đầu đến khu vực bắc xóm Chùa thì gặp địch chặn đường. Khi nhận được báo cáo, chỉ huy trung đoàn lập tức hội ý. lát sau, Tư lệnh sư đoàn Lưu Bá Xảo cũng có mặt. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Như Hoạt, chỉ huy bộ phận đi đầu báo cáo: "Đường rẽ chưa tìm thấy, song phía trước địch đang chặn đường. Chưa rõ lực lượng bao nhiêu, nhưng chúng có cả xe tăng, thiết giáp và hỏa lực bộ binh, chống tăng khá mạnh". Tư lệnh sư đoàn-sau khi nắm tình hình và xin chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân đoàn, đã ra lệnh cho trung đoàn tổ chức đột phá trận địa địch, đánh mở đường, đồng thời phái ngay các tổ trinh sát đi tìm đường rẽ. Bộ phận đi đầu nhanh chóng nổ súng tiến công hất địch ra khỏi xóm Chùa, mở đường cho đội hình sư đoàn tiếp tục tiến quân. Nhưng ngay sau đó, địch trong chi khu quân sự Tân Uyên tập trung hỏa lực pháo, cối và tên lửa chống tăng bắn rất dữ dội vào đội hình, làm một xe tăng ta bốc cháy, một số chiến sĩ bị thương. Cả đoàn xe phía sau buộc phải tạm thời dừng lại. Trước tình hình đó, Tư lệnh sư đoàn chỉ thị cho trung đoàn phải nhanh chóng tiêu diệt chi khu quân sự Tân Uyên bằng lực lượng binh chủng hợp thành. Được tăng cường thêm lực lượng và hỏa lực mạnh chi viện, trận đánh diễn ra trong khoảng 45 phút. Toàn bộ quân địch ở chi khu quân sự Tân Uyên bao gồm tiểu đoàn bảo an 316, một trung đội cảnh sát dã chiến cùng một bộ phận của sư đoàn 5 mới tăng cường (khoảng hơn một đại đội) bị tiêu diệt và tan rã. Ta bắt 35 tên, trong đó có tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng bảo an 316, thu 25 xe quân sự cùng nhiều vũ khí phương tiện chiến tranh khác. Phía ta có 3 đồng chí hy sinh, 14 đồng chí bị thương, hai xe tăng và một xe thiết giáp bị bắn cháy. Lúc đó, cũng có ý kiến cho rằng: Nếu ta để một bộ phận lại bao vây, tiêu diệt, còn đội hình lớn cứ tiếp tục tiến theo con đường cũ thì hợp lý hơn. Song tôi cho rằng, trong trường hợp cụ thể này, chúng ta không thể làm khác". Lúc đó, phía trước là địch đang cản đường, phía sau là cả một đội hình xe dài khoảng 4-5km. Giả sử ta để một bộ phận lại bao vây và tổ chức quay đầu xe vòng tránh thì với số lượng gần 400 chiếc xe, trong đêm tối, sẽ mất rất nhiều thời gian, và lại ngay lúc đó, đường rẽ cũng chưa tìm thấy. Để chậm trễ và ùn tắc lúc này sẽ càng nguy hiểm. Lúc 6 giờ sáng, địch lại cho nhiều tốp máy bay F.4 oanh tạc dữ dội vào khu vực dốc Bà Nghĩa, nơi đội hình sư đoàn đang cơ động qua, làm 20 đồng chí bị thương, hỏng một pháo cao xạ 37mm và một xe kéo pháo. Như vậy là "buộc phải đánh" dù "ngoài kế hoạch" để mở đường tiến. Tư lệnh sư đoàn quyết định đánh là rất chính xác...

Tuy nhiên, sau chiến dịch, kiểm điểm lại, chúng tôi cũng thấy những thiếu sót chủ

quan của chính mình, như việc tổ chức trinh sát, chốt chỉ đường, hiệp đồng với địa phương chưa tốt, dẫn đến buộc phải đánh Tân Uyên ngoài kế hoạch. Song tôi nghĩ, trong chiến đấu, luôn có những tình huống bất ngờ, phức tạp, đặc biệt là với cách đánh thọc sâu trong hành tiến. Đây là cách đánh lần đầu tiên ta áp dụng, bộ đội phải tác chiến liên tục trong thời gian và không gian rộng trong khi địa hình và tình hình đều chưa nắm chắc. Điều đó đòi hỏi người chỉ huy phải có bản lĩnh: quyết đoán, táo bạo, đi đôi với mưu trí và linh hoạt. Dù là tình huống nào, nhưng luôn nắm chắc nhiệm vụ và mục tiêu được giao thì nhất định giành thắng lợi. Thực tiễn đã chứng minh: những trận đánh “gạt địch ra để tiến” ở ngã ba Thuận Giao, Bình Chuẩn... của trung đoàn 27 (do trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu chỉ huy), hay trận đánh trên cầu Bình Triệu của chúng tôi sáng ngày 30-4 đều chứng tỏ điều này... Và cuối cùng, trung đoàn chúng tôi vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thọc sâu đánh chiếm và cắm cờ trên nóc nhà Bộ Tổng tham mưu ngày 30-4-1975...



*Đ. Hoàn ghi theo lời kể của Đại tá Lê Xuân  
Yến*

## Vượt đèo Rù Rì vào giải phóng Nha Trang

Sau mấy ngày tấn công, lần lượt tiêu diệt hết các đơn vị thuộc lữ đoàn dù số 3 ngự ở đèo Ma-đắc-Phượng Hoàng, sư đoàn 10 chúng tôi liền tổ chức một mũi nhọn xe tăng, xe bọc thép "cồng" bộ binh, có pháo xe kéo đi cùng, truy kích về hướng biển. Trên đường 21 về Ninh Hòa, tàn quân dù ngự bỏ hết xe pháo, chạy vòng tránh các chốt quân giải phóng trên lộ, rồi tràn ra đường cướp xe máy, xe lam của dân để chạy trốn. Các trại quân biệt động, biệt kích dọc đường 21, thường ngày hung hăng, nay thấy "anh cả đỏ" (quân dù ngự) tan rã, cũng bỏ hết doanh trại, trận địa, kéo nhau trốn lủi, do vậy, mũi nhọn truy kích của chúng tôi không gặp một sự kháng cự nào. Chúng tôi vượt qua thị trấn Ninh Hòa, rẽ phải, ngay trong đêm đó tiến đến chân đèo Rù Rì, phía bắc thành phố Nha Trang. Dự kiến ban đầu chỉ giải phóng Buôn Ma Thuột, nên không ai trong chúng tôi có lấy một tấm bản đồ vùng Khánh Hòa của ta. Và lại, lực lượng truy kích của chúng tôi chỉ có một tiểu đoàn bộ binh tăng cường xe tăng, pháo binh, cao xạ do anh Phạm Ngọc Phụng chỉ huy, không chờ sư đoàn nữa, cứ tiến vào giải phóng Nha Trang được không? Chúng tôi cần nhắc mọi người: Tấn công một thành phố lớn, một căn cứ quân sự liên hợp lớn như Nha Trang theo bài bản thì phải dừng lại, trinh sát, chờ lực lượng mạnh phía sau lên song như vậy sẽ mất thời cơ. Nhưng đành với lực lượng hiện có, liệu có chắc thắng hay phạm sai lầm phiêu lưu? Trong các lô cốt boong ke trên đèo Rù Rì, quân địch có tổ chức phòng ngự không? Nếu có quân địch cố thủ trong công sự kiên cố ở đây, thì chỉ với một hệ thống mìn chống tăng và các vật cản khác, ta đã khó qua nổi. Hơn nữa, thành phố đông dân, nếu dùng pháo binh dọn đường, sẽ gây tổn thất lớn cho đồng bào. Vậy phải đánh thế nào đây. Tinh thần chung là thần tốc kia mà?

Lúc này, trên quốc lộ 1, nhân dân, xe cộ vẫn được ta cho phép di chuyển. Chốc lát lại thấy một vài binh sĩ địch chưa kịp cởi hết sắc phục lính ngự, theo vợ con chạy qua. Họ khai với chúng tôi: "Trong thành phố rất hỗn loạn, tướng lĩnh đã chạy hết, vô chủ nên lính tráng bắn nhau và cướp phá khắp nơi. Bà con mong chờ cách mạng sớm vào lập lại trật tự...". Thông tin này có chính xác không? Bàn bạc một hồi, phương án tối ưu đã được Tham mưu trưởng sư đoàn Phạm Ngọc Phụng quyết định:

- Bộ đội trinh sát võ trang bí mật tiềm nhập thành phố để chiếm tuyến công sự phòng ngự kiên cố trên đèo; công binh rà quét mìn bảo đảm cho xe tăng, xe bọc thép tiến lên. Chiếm đèo xong, pháo cao xạ 37mm lấy phần tử bắn hướng vào trung tâm thành phố, nhưng lắp ngòi nổ trên không, cốt cảnh cáo uy hiếp lực lượng nào còn chống cự. Pháo mặt đất thì đi cùng xe tăng và bộ binh, sẵn sàng chế áp các mục tiêu địch.

Đề phòng tình huống khó khăn nhất có thể xảy ra, anh Phụng cử tôi quay lại chân đèo Phượng Hoàng báo cáo phương án chiến đấu của mũi thọc sâu với sư đoàn, và đôn pháo binh vòng cầu cứu lớn lên. Ngay trong đêm đó, trên chiếc xe jeep chỉ có hai tay súng AK đi kèm, chúng tôi quay ngược lại chân đèo. Gió từ ngoài khơi thổi vào lồng lộng, tốc độ xe lại cao, khiến chúng tôi rất lạnh. Nhưng ớn lạnh, lo lắng hơn là gặp tàn binh địch liều lĩnh nổ súng, thì chúng tôi sẽ không sao hoàn thành được nhiệm vụ. Chốc chốc, xe tôi cũng gặp một tốp lính quần áo rằn ri nhưng đi tay không, thành hàng lối ven đường. Thoáng thấy chúng tôi, họ đồng loạt giơ tay, hô to: "Cảm ơn cách mạng khoan hồng". Vừa vững tâm, vừa buồn cười, tôi cho dừng xe an ủi và hỏi: "Ai bày cho các anh hô như vậy?". Những khuôn mặt đờn ần, đầu tóc râu ria bù xù, chợt sáng lên: "Thưa... các anh bộ đội cách mạng khi thu súng, đã dặn làm như thế khỏi bị làm vờ với bọn ngoan cố"...

Thế rồi chúng tôi báo cáo với sư đoàn và đưa pháo lớn đến. Phương án chiến đấu mà anh Phụng quyết định đã được thực hiện tốt đẹp. Chúng tôi tiến vào Nha Trang và đột nhập luôn vào sở chỉ huy quân đoàn 2, quân khu 2 ngự trên bờ biển trung tâm thành phố. Bước vào phòng tên Trung tướng tư lệnh, chúng tôi thấy khắp nơi giấy tờ vương vãi, cờ xí

tả tôi. Trên bàn làm việc của hắn là một tô cơm đang ăn dở với đĩa gà luộc còn đầy ắp. Chưa kịp nghĩ xả hơi, đồng chí trung đoàn trưởng pháo đến tìm tôi nói: "Nhiều tàu chiến địch còn đang lảng vảng ngoài khơi, đề phòng chúng đổ bộ cứu nhau, tôi ở lại triển khai pháo sẵn sàng đánh tàu biển. Còn anh được sư đoàn giao cho một đại đội bộ binh, một tiểu đoàn pháo hỗn hợp, tiến ngay vào Phan Rang...".

Chúng tôi hiểu, phải "Thần tốc" tiến lên phía trước.



TOP

*Thương tá Nguyễn Tú*

## 11 ngày đêm không chế sân bay Biên Hòa

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ không quân chiến lược lớn nhất của toàn miền Nam nằm ở miền đông Nam Bộ, gần sân bay lại có tổng kho Long Bình nên trở thành nơi trung chuyển phương tiện chiến tranh của Mỹ. Anh em cán bộ pháo binh B2 (miền đông Nam Bộ) áp ủ một nguyện vọng thiết tha được trang bị pháo cỡ lớn tầm xa để trừng trị và làm tê liệt sân bay Biên Hòa.

Tháng 1-1973, B2 được trang bị pháo 130mm. Tháng 4-1975 là cơ hội dùng pháo tầm xa không chế sân bay Biên Hòa. Để thật sự chủ động cho việc đánh sân bay Biên Hòa, Bộ chỉ huy pháo binh B2 đã dự kiến lựa chọn đơn vị có kinh nghiệm chiến đấu, có khả năng độc lập tác chiến, đã được đánh sân bay và cử một bộ phận đi trinh sát lựa chọn địa hình chiến đấu. Tổ gồm 5 người, do trợ lý tác chiến Phòng pháo binh B2 phụ trách, bí mật lườn sâu vào vùng địch kiểm soát ở khu vực Tân Uyên, vùng ven sân bay. Nhờ sự giúp đỡ của bộ đội đặc công và biệt động, tổ đã chọn được chỗ đặt đài quan sát và trận địa ở khu rừng Hiếu Liêm.

Đại đội 26, tiểu đoàn 21 được Bộ chỉ huy pháo binh B2 chọn lựa. Nằm trong đội hình tiểu đoàn 21, đại đội 26 đã trưởng thành ở miền Bắc trên chiến trường nam Quân khu 4 tham gia đánh tàu chiến dịch từ 1967-1969, được tôi luyện ở chiến dịch đường 9-Nam Lào năm 1971. Năm 1972, tham gia chiến dịch Cánh Đổng Chum-Xiêng Khoảng, đã được bắn phá sân bay Sầm Thông và sáo huyết phỉ Vàng Pao ở Long Cheng. Vào B2, đại đội 26 tham gia tấn công thị xã Phước Long (từ 28-12-1974 đến 6-1-1975), trong trận hiệp đồng binh chủng đầu tiên quy mô cấp quân đoàn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: phá nát sở chỉ huy tỉnh lỵ Phước Long, bắn trúng gây thương vong nặng, làm mất sức chiến đấu của chiến đoàn dù 81 ngày ngay khi chúng vừa nhảy dù tăng viện cho Phước Long.

Ngày 7-4-1975, Chính trị viên tiểu đoàn 21 Diệp Xuân Nguyên cùng đồng chí Đào Minh Tinh, trợ lý tác chiến pháo binh B2, được Bộ chỉ huy pháo binh Miền giao nhiệm vụ chuẩn bị cho đại đội 26 pháo 130mm và tiểu đoàn cao xạ lên đường đi đánh sân bay Biên Hòa. 17 giờ 30 phút chiều 9-4, Đại đội trưởng đại đội 26, Nguyễn Xuân Thách, hạ lệnh xuất phát, hành quân từ khu rừng Bù Nho (Bù Gia Mập) tiến về trận địa Hiếu Liêm trên quãng đường 130km. 4 giờ sáng ngày 11-4, đại đội 26 đến khu vực trận địa an toàn.

6 giờ sáng ngày 14-4, Ban chỉ huy trận đánh báo cáo lên Bộ chỉ huy pháo binh Miền công tác chiếm lĩnh trận địa bắn đã hoàn thành. Một tiếng sau, Bộ chỉ huy pháo binh B2 hạ lệnh: "Nổ súng đúng giờ quy định, phối hợp với Quân đoàn 4 đánh chiếm Xuân Lộc. Điều chỉnh cách bắn cho phù hợp với số đạn có, tập trung vào hai mục tiêu: phá hoại đường băng và phá hủy khu để máy bay A37 và F5". Cả trận địa đại đội 26 buổi trưa và chiều 14-4 như sôi lên trong không khí chuẩn bị bước vào trận chiến đấu.

Đúng 17 giờ, đại đội 26 nổ súng bắn vào sân bay Biên Hòa. Đạn pháo rơi vào đường băng và khu để máy bay A37 và F5. Chỉ mười phút sau, cả hệ thống pháo binh địch ở Đại An, Tân Uyên, dốc Ông Hùng, bắt đầu tới tấp bắn về phía trận địa ta. Có lẽ địch bị quá bất ngờ, không nhìn thấy rõ khu vực trận địa ta, chỉ bắn về hướng có tiếng nổ đầu nòng nên các loạt đạn pháo địch rơi vung vãi ra sau trận địa cách ta 400-500m. Trục thẳng vũ trang phải hơn nửa giờ sau mới cất cánh, sà xuống bắn hồi hả được một lúc thì trời tối phải kéo nhau về. Suốt đêm hôm đó, địch vẫn cay cú bắn nhiều loạt đạn pháo xung quanh khu vực trận địa cho đến 4 giờ sáng 15-4.

Hai ngày sau, vào trận chiến đấu thứ 2, theo chỉ thị của cấp trên, phải bắn tập trung, chuẩn xác và tiết kiệm đạn. Đại đội thực hiện bắn gấp từng đợt xen kẽ bắn điểm. 6 giờ 10 phút, trời sáng rõ, pháo ta ở Hiếu Liêm đã gầm lên, bắn vào đường băng sân bay. Trên đài quan sát, Đại đội trưởng Thách báo về: "Loạt thứ nhất rơi trúng đường băng. Loạt thứ hai rơi chệch mép phải khu để máy bay. Hiệu chỉnh sang trái 100m". Nhiều máy bay

đang nhón nháo liều mạng cất cánh, tiếp tục bị bắn dồn dập. Vào khoảng 11 giờ, một bày trực thăng vũ trang âm âm bay tới. Chúng phóng rốc két từ xa vào trận địa. Tiếng nổ âm vang cả khu rừng. Đúng vào lúc đó, pháo cao xạ ta bất ngờ bắn lên, buộc chúng phải ngóc lên cao, bay tản ra các phía. Ít phút sau, một tốp phản lực từ hướng đông bay tới ném bom xuống trận địa cao xạ. Cuộc chiến đấu giữa máy bay phản lực và pháo cao xạ bắt đầu. Một chiếc phản lực trúng đạn.

Hai ngày sau, ta tập trung vào không chế đường băng để tiến tới không chế hoàn toàn máy bay cất và hạ cánh. Bắn dồn dập dùng cả 3 khẩu, bắn điểm thì dùng từng khẩu một. Đài quan sát bảo vệ: đạn rải khắp đường băng, đoạn cuối chỗ máy bay cất cánh đạn rơi trúng nhiều chỗ. Hiệu quả thấy ngay: máy bay xuất kích ở sân bay Biên Hòa sau ngày 14-4 giảm 30%, sau 16-4 giảm 50%, 17-4, phi cơ xuất kích rất ít, trạm điều khiển trên không của địch bị hỏng.

Từ ngày 18-4 đến ngày 24-4, đại đội 26 vẫn bám trụ và giữ vững nhịp độ bắn. Ta tập trung bắn vào khu vực trực thăng và khu bom, xăng dầu. Đạn pháo ta làm nổ tung kho bom đạn, gây tiếng nổ dữ dội từ tối cho đến sáng. Địch đã phải sơ tán hầu hết B57, F5 và trực thăng vũ trang về hai sân bay Tân Sơn Nhất và Cần Thơ. Lực lượng không quân đánh phá giảm hẳn. Từ 100 lần chiếc/ngày chỉ còn 5-10 lần chiếc/ngày. Đài BBC loan tin: "Việt cộng đã bắn trúng kho bom trong sân bay Biên Hòa. Lửa cháy bốc cao, nhiều tiếng nổ dữ dội làm rung chuyển vỡ cửa kính nhà của tỉnh lỵ Biên Hòa. Một không khí hoảng loạn bao trùm thành phố Biên Hòa không sao trấn an được".

Ngày 24-4, Quân đoàn 4 đã diệt chỉ huy sở quân đoàn 3 ngụy, sân bay Biên Hòa bị tê liệt. Ngày 25-4, ta giải phóng Biên Hòa.

Trong 11 ngày chiến đấu, đại đội 26 đã bắn khoảng 300 viên đạn 130mm, tiêu diệt 29 tên địch, phá hỏng 7 máy bay A37 và F5, bắn cháy một kho xăng, bắn hỏng một đài chỉ huy sân bay, làm tê liệt hoàn toàn sân bay Biên Hòa. Đại đội 26 pháo binh không một ai hy sinh, chỉ có 2 người bị thương vì sập hầm. Tiểu đoàn cao xạ bắn cháy một máy bay F5E, có 4 đồng chí hy sinh và 6 đồng chí bị thương.

### Thiếu tướng NGUYỄN MINH NINH

Đầu tháng 4-1975, anh Tư Lạc tỉnh đội trưởng Bà Rịa-Long Khánh được bổ nhiệm làm thành viên của Bộ chỉ huy mặt trận Xuân Lộc, anh Tư Hy được điều về Cấp để lãnh đạo mặt trận Vũng Tàu. Ban chỉ huy Tỉnh đội chỉ còn lại tôi là Chính trị viên và anh Tám Còn, Tỉnh đội phó. Sở chỉ huy cơ bản lúc này đang ở Cỏ Nhi, suối Thề, nhưng để tiện việc phối thuộc với mặt trận Xuân Lộc, được phép của Quân khu và tỉnh ủy chúng tôi đã đặt Sở chỉ huy tiền phương ở xã Cẩm Mỹ, đồng thời điều tiểu đoàn 445 của tỉnh ra chốt chặt ở ven lộ 1, đoạn suối Cát, rừng Lá phía đông Xuân Lộc nhằm ngăn chặn tàn quân địch từ Xuân Lộc tháo chạy ra hướng Bắc.

Khi chiến dịch Xuân Lộc gần kết thúc thì tàn quân địch tháo chạy theo lộ 1 vào Dầu Giây và lộ 2 vào Bà Rịa, Vũng Tàu. Anh Út Đặng ở tham mưu quân khu xuống giao nhiệm vụ cho lực lượng vũ trang Bà Rịa tổ chức chặn địch trên lộ 2 (phía nam Xuân Lộc), đó là chiều ngày 19-4-1975. Không để lỡ thời cơ, ngay đêm ấy các lực lượng của tỉnh đã khẩn trương cơ động về bao vây các đồn bót địch ở đồn điền cao su ông Quế, đồn Con Rắn ở Cẩm Mỹ, các đồn điền ở Kim Long, Bình Giã, Đức Thạnh, chi khu Long Lễ ở Hòa Long. Mục đích là mở thông đường, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực tiến công giải phóng Bà Rịa và Vũng Tàu. Qua máy bộ đàm, tôi ra lệnh điều tiểu đoàn 445 về của chữ S trên lộ 2 và mời các anh Tám Tổng, Tiểu đoàn trưởng, Hai Khanh, Chính trị viên, về gấp của chữ S nhận nhiệm vụ cụ thể. Phải nói tổ chức trận địa phục ở của chữ S rất lợi hại, bởi ở đây đường vừa quanh co lại lắm dốc đèo, địa hình rất thuận tiện cho việc bố trí hỏa lực.

Chiều 20-4, tất cả các lực lượng đều tập kết đúng các vị trí được phân công. Bố trí xong thế trận, tôi thấy thanh thần trong lòng nên chiều 21-4 mới cùng anh Út Đặng dùng xe máy xuyên qua các rừng cao su kiểm tra tất cả các trận địa, đồng thời vào thăm các cơ sở cách mạng trong đồn điền cao su. Tới đâu chúng tôi cũng được chứng kiến không khí hồ hởi, phấn khởi của nhân dân chờ đón quân giải phóng và nhất là lòng khát khao được giết giặc, thể hiện trên từng cặp mắt của những người công nhân cao su, những chiến sĩ dân quân du kích ở khắp các địa phương.

Nhà nhem tối, chia tay anh Út Đặng ở Tây Lộ, tôi phóng như bay về Sở chỉ huy tiền phương ở Cẩm Mỹ, lòng mừng vui khắp khơi.

Trời tối hẳn, có việc đột xuất, tôi nói Út Lép (em trai tôi) dùng xe 67 quay lại phía Tây lộ 2 làm nhiệm vụ. 23 giờ, Út Lép chạy bộ về xộc vào sở chỉ huy vừa thở vừa nói: "Anh Năm ơi, xe tăng địch xuống qua trời, có tới hàng trăm chiếc". Sao không nghe súng ở của chữ S nổ? Tôi bắn khoản tự hỏi và cũng rất nhanh tự trả lời: Anh em thiếu ngủ, quá mệt nên đã ngủ quên.

Ghé tai sát đất nghe đất rung chuyển rất mạnh. "Nhiều xe lắm", tôi vội nghĩ và khẩn trương trèo lên một điểm cao quan sát thì trước mắt, trong đêm tối mịt mù, một vệt sáng đèn gầm của đủ các cỡ xe vạch nên dải mây cây số, đoạn đầu đã vượt qua của chữ S. Vệt sáng như một con rắn khổng lồ đang len lút vội trườn về hướng Bà Rịa tìm đường tháo thân.

Tôi đành thức Tám Còn. Anh bật dậy rất nhanh, mở bộ đàm liên lạc với 44 ở của chữ S nhưng không được. Muốn dùng chuông điện thoại đành thức thông tin hữu tuyến điện nhưng mạng hữu tuyến chưa rải kịp. Không được phép chậm trễ, anh Tám Còn cất rừng phóng như bay ra hướng bắc tới của chữ S. Một chiến sĩ liên lạc dùng xe máy xuyên ló cao su lao vào phía nam, nơi đó ở phía đông Xà Bang có đại đội 41 của Châu Đức do đại đội trưởng Châu Kền chỉ huy.

Tại Sở chỉ huy, lòng tôi bồn chồn, vừa lo, vừa tiếc vì đã lỡ thời cơ diệt địch, để xổng mất một lực lượng lớn xe, pháo và binh lính địch...

Bỗng các cỡ súng ở Xà Bang đưa nhau nổ. Tôi reo lên: "41 giỏi lắm! Châu Kền

khả lắm!". Ngay tức khắc tiểu đoàn 445 ở cửa chữ S cũng lên tiếng như đáp lời kêu gọi hợp đồng của đại đội 41. Thế là suốt một tuyến dài mấy cây số trên lộ 2 từ cửa chữ S vào tới Xà Bang, tiểu đoàn 445 đánh vào, đại đội 41 đánh ra, đội hình địch bị rối loạn, nhiều tên bị bắn gục tại chỗ, cuộc chiến kéo dài tới sáng ngày 22-4. Tàn quân địch bỏ xe pháo xô đẩy nhau chạy tháo thân về phía nam để về Bà Rịa, Long Hải, Vũng Tàu, nhưng đông nhất là những tàn quân chạy vào vùng ở phía tây lộ 2 để về Cẩm Đường, Bình Sơn, Nhơn Trạch, Long Thành, căn cứ Nước Trong. 10 xe tăng và hàng chục xe quân sự các loại bị bắn cháy, hơn 100 tên bị bắt sống, trong đó có tên đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng Long Khánh.

Chiều 22-4, theo lệnh trên, tôi trực tiếp giải Phạm Văn Phúc về Xuân Lộc để đón sư đoàn 3 của đại tá Trần Bà Khuê hành quân qua ngã ba Tân Phong theo lộ 2 tiến về Cẩm Mỹ. Những ngày này dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều cán bộ đã được cử vào nội thị, nội thành vận động quần chúng chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men, may cờ, tổ chức ủy ban khởi nghĩa để nối dây phối hợp với bộ đội giải phóng quê hương.

Ngày 25-4, đại quân đã tới đập nước xã Châu Pha. Pháo binh địch từ các trận địa ở núi Đất, Phước Hòa và máy bay địch quần lượt oanh tạc vào đội hình hành quân của sư đoàn và các đơn vị phối thuộc. Nhưng đoàn quân vẫn tiến lên và các cỗ pháo mặt đất, pháo phòng không của ta đã buộc các trận địa pháo địch im tiếng, máy bay địch tháo chạy.

Ngày 26-4, trong lúc sư đoàn 3 tiến về thị xã Bà Rịa thì các lực lượng vũ trang và nhân dân toàn tỉnh cũng vùng lên giành quyền làm chủ ở khắp các miền quê và dũng mãnh tiến về giải phóng thị trấn Long Điền, Đất Đỏ, Phước Bửu...

Đúng 17 giờ ngày 26-4, pháo binh của sư đoàn 3 đồng loạt nã đạn vào thị xã Bà Rịa. Khi pháo chuyển làn xuống Vũng Tàu, bộ binh các hướng bao vây nhất loạt nổ súng tiến công. Được lực lượng biệt động thị xã và nhân dân dẫn đường, quân ta liên tiếp đập tan sự kháng cự của hết ổ đề kháng này đến cứ điểm kia. Chiều 27-4-1975 thị xã Bà Rịa và tất cả các huyện Long Đất, Xuyên Mộc, các thị trấn Long Điền, Đất Đỏ, Phước Bửu được hoàn toàn giải phóng.

Mở sáng 28-4, tôi và anh Trần Bà Khuê, Sư đoàn trưởng sư 3 dùng hai xe Zeeep theo lộ 15 chạy xuống Vũng Tàu để nghiên cứu tình hình chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng. Xe tôi chạy trước và do út lép cảm lái. Xe vừa leo lên đỉnh cầu, út lép vội vàng quặt xe quay đầu về hướng Bà Rịa. Thì ra bọn địch đã phà sập cầu để cản bước tiến của quân ta và thành lập tuyến phòng thủ mạnh ở đầu cầu phía nam. Phải khẩn trương vượt sông giải phóng Vũng Tàu, không cho bọn địch tiếp tục bắn giết đồng bào ta, tàn phá thành phố và tháo chạy an toàn ra biển. Một cuộc hội ý chớp nhoáng, theo đó trung đoàn 12 xuống Phước Tỉnh dùng ghe thuyền của dân vượt Cửa Lấp sang mũi Hải Đăng; đại đội 12 đặc công nước của Vũng Tàu cùng phân đội L22 bí mật vượt sông Dinh trong đêm 28-4 đánh chiếm tàu trọng tải 10 ngàn tấn của địch ở cảng Rạch Dừa; chiếm cầu Rạch Bà, đánh dọc lộ 15 ngược lên cầu Cỏ May. Bị bất ngờ, hầu hết cả các ổ đề kháng ở tuyến này đã tháo chạy.

Quả nửa đêm 28-4 rạng 29-4-1975, tiểu đoàn 3 của sư đoàn 3 vượt sông Dinh nơi cầu Cỏ May đánh chiếm đầu cầu, địch vẫn kháng cự quyết liệt. Trong khi đó ở hướng Cửa Lấp, trung đoàn 12 đã vượt sông an toàn và tiến vào Chí Linh, tiến công cụm phòng ngự Phước Thành. Bị cô lập, bọn địch ở tuyến phòng ngự Cỏ May hoang mang dao động, chớp thời cơ tiểu đoàn 3 đã giáng đòn quyết định đánh tan tác bọn địch tại đây và hoàn toàn làm chủ đầu cầu.

Sáng 29-4, lực lượng còn lại của sư đoàn 3 và tiểu đoàn 445 của tỉnh đã dùng ghe, thuyền, phà vượt sông Dinh nơi cầu Cỏ May tiến xuống Vũng Tàu và ngay trong đêm ấy các hướng tiến công của quân ta vào tới trung tâm thành phố.

Sáng 30-4, ta chiếm tòa thị chính, cờ giải phóng tung bay khắp phố phường. Anh Phạm Văn Hy, Bí thư thành ủy kiêm Chủ tịch ủy ban quân quản thành phố, đọc nhật lệnh kêu gọi nguy quân, nguy quyền nạp vũ khí và có vũ nhân dân truy bắt tàn quân địch, dọn dẹp phố phường, xây dựng cuộc sống mới.

Hàng vạn tàn quân địch từ miền Trung, từ Xuân Lộc, Bà Rịa dồn về Vũng Tàu chen chúc ẩn nấp khắp các nhá thờ, chùa chiền, trường học để tìm đường chạy ra bờ biển, bỏ lại trên bờ đủ loại xe pháo, súng đạn, chen lấn, tranh giành nhau cướp tàu thuyền của dân hốt hoảng tháo chạy ra biển. Tuy nhiên, cũng có những tên ngoan cố chống cự

đến cùng buộc ta phải dùng sức mạnh đè bẹp như bọn cố thủ ở khách sạn Palace. Đó cũng là lúc tôi dẫn tiểu đoàn 445 của tỉnh tới chiếm sân bay Vũng Tàu.

Cùng với bộ binh, hải quân từ miền Trung theo đường thủy đã vào Vũng Tàu kịp thời. Ngày 1-5-1975, tàu chiến hải quân đã đưa tiểu đoàn 445 của tỉnh và tiểu đoàn 6 của sư đoàn 3 vượt biển ra giải phóng và tiếp quản Côn Đảo.

Bà Rịa-Vũng Tàu hoàn toàn giải phóng.



Top

HOÀNG MINH MAN ghi

Ngày tháng năm xưa

## Đánh chiếm Phan Rang bắt sống tướng ngụy

Ngày 22 tháng 04 năm 2005

Xuân năm ấy, toàn Sư đoàn 3-Quân khu 5 chúng tôi không ăn Tết mà được lệnh bí mật hành quân bộ từ Hoài Ân, qua dốc Bà Bơi, vào triển khai thế trận từ tây Phú Phong, đến tây đèo Cây Rui, dài khoảng hơn 40km.

Lúc đầu, sư đoàn, bộ đội địa phương và du kích ven đường 19 được giao nhiệm vụ cắt đường 19, giam chân sư đoàn 22 ngụy và 3 liên đoàn biệt động quân, tạo thuận lợi cho quân ta tiến công giải phóng Tây Nguyên. Chúng tôi đã giành thắng lợi trong các trận tập kích Chông Ôi, Che Ché và vận động tấn công diệt địch trên khu vực thung lũng Vĩnh Thạnh, nhưng sau đó, lực lượng địch tăng dần-như vậy là đúng ý định của ta. Chúng đưa cả sư đoàn 22 ngụy và 3 liên đoàn biệt động vào khu chiến, với lực lượng gấp 2 lần lực lượng ta. Cuộc chiến đấu diễn ra rất gay go quyết liệt, ta bao vây các đồn, địch thì tấn công vào trận địa ta, hình thái chiến đấu xen kẽ. Trận Đồng Phó ta sử dụng một trung đoàn, đánh với một tiểu đoàn địch, 3 ngày đêm không dứt điểm, ta bị tổn thất nặng, tiểu đoàn chủ công chỉ còn khoảng 70-80 người; một đại đội lúc xuất quân có 40 người, sau chỉ còn 10 tay súng. Chỉ huy sư đoàn xử trí tình huống rất căng thẳng, có lúc gần như nín thở... Đúng thời điểm ấy, thì Quân khu điện xuống: "Chiến dịch Buôn Ma Thuột đã thắng lợi; địch đang rút chạy khỏi Tây Nguyên; Sư đoàn 3 chuyển sang truy kích địch...". Và Quân khu chỉ thị cho Sư đoàn 3 chúng tôi và Sư đoàn 968 sang tăng cường cho Quân đoàn 2, thần tốc vào cực nam Trung Bộ. Thật vinh dự cho Sư đoàn tôi lại được chọn làm mũi tiên phong cho quân đoàn.

Cả sư đoàn chúng tôi đều phấn khởi và tự hào, song qua chiến đấu, đơn vị bị tổn thất, quân số hao hụt nhiều quá. Để đủ sức làm nhiệm vụ đi trước mở đường cho Quân đoàn 2 và tham gia trận quyết chiến chiến lược cuối cùng; quân khu đã bổ sung cho sư đoàn hàng nghìn quân, 150 xe và cho phép trưng dụng cả xe dân nữa. Thế là lại thành một sư đoàn mạnh, với số quân lên tới gần một vạn, và có tới 400 xe cơ giới các loại để cơ động chiến đấu. Quân miền Bắc vào lần này toàn thanh niên trẻ khỏe, trắng trẻo, đẹp trai, hầu hết đã qua trung học phổ thông, có cả sinh viên đại học, lại đã qua huấn luyện tấn binh, nên vào tới đây là chiến đấu ngay được. Các má miền Nam rất thương mến các "cậu tú, cậu cử" này. Các cô gái miền Nam cũng rất mê các chàng trai xứ Bắc. Đại đội gái vận tải của sư đoàn tôi, nhiều cô còn tuyên bố thẳng: "Em phải phấn đấu chiếm cho được tám chông miền Bắc xã hội chủ nghĩa...".

Việc trưng dụng xe của dân cũng ngại mà vui, nói sao cho cô bác ưng cái bụng đưa xe đi phục vụ chiến đấu mà lại giữ được bí mật. Được sư đoàn trưởng Trần Bá Khuê đồng ý, tôi mang một tiểu đội thông tin ra đón đường ở cầu Đê Rì. Gặp các chủ xe, tôi giải thích: "Cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, được lệnh trên, quân giải phóng chúng tôi xin mượn xe của cô bác đi phục vụ chiến đấu một số ngày. Trong thời gian đó, bộ đội ăn gì, cô bác ăn nấy; người bị thương là thương binh, người mất được công nhận là liệt sĩ, xe hỏng, đơn vị lấy xe chiến lợi phẩm bồi thường...". Tưởng khó, song sau khi nghe giải thích, 79 chủ xe tuyên bố: "Xin xung phong phục vụ cách mạng...". (trong trận Phan Rang, cháy 4 xe dân, 3 bị thương, 2 hy sinh).

Ngày 14-4-1975, toàn sư đoàn được lệnh tiến công tuyến "Tử thủ Phan Rang". Suốt 2 ngày chiến đấu, sư đoàn vẫn chưa chiếm được Phan Rang và sân bay Thành Sơn. Máy bay địch vẫn cất cánh mang bom, đạn đánh phá khu vực Cam Ranh, đánh cả vào sở chỉ huy tiền phương của Bộ. Cấp trên nhắc nhở cần đánh mạnh và nhanh hơn. Sư đoàn liền

đi kiểm tra, thấy một tiểu đoàn pháo 105mm chưa nổ súng, lấy lý do là chưa làm xong công sự, Thường vụ Đảng ủy sư đoàn quyết định cách chức tiểu đoàn trưởng, đưa tiểu đoàn phó lên thay.

Sáng 16-4, sư đoàn được Quân đoàn 2 tăng cường một tiểu đoàn xe tăng để cùng bộ binh thọc sâu vào các vị trí địch. Tỉnh trưởng Phan Rang bỏ chạy, tuyến "tử thủ" bị phá vỡ, các hướng của sư đoàn dồn dập tấn công tiếp, đến 12 giờ thì sư đoàn chúng tôi làm chủ Phan Rang và sân bay Thành Sơn. 14 giờ, thấy máy bay OV10 trực thăng và phản lực của địch vẫn bay quần lượn ở tây nam Phan Rang, sư đoàn dự đoán chắc tàn binh địch còn ở đây, nên cho trung đoàn 12 tiến ra truy quét. 17 giờ, trung đoàn trưởng trung đoàn 12 báo cáo về: Tổ nuôi quân của trung đoàn đã bắt được tướng nguy và một trung tá Mỹ. Tôi hỏi lại: "Bắt bằng cách nào? Có đúng tướng nguy thật không? Tên nó là gì?...". Trung đoàn trưởng báo cáo tiếp: Tổ anh nuôi sục đến vườn mía, thấy một tốp địch đồng tơi 15-20 tên. Anh em ta chỉ có 3 người, liền nghi binh hô: "Trung đội 1 bên phải, trung đội 2 bên trái, sẵn sàng xung phong; trung đội 3: bắn!...". Vừa hô xong, bọn địch đã rối rít kêu to: "Xin đừng bắn! Chúng em xin hàng". Tên đi đầu giơ tay chui ra, hỗn hển: "Em là trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi", tên thứ hai xưng là chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang... Tôi liền hỏi ban quân báo sư đoàn danh sách tướng nguy cô những tên đó không, anh em báo cáo cô. Sư trưởng Trần Bá Khuê liền lệnh cho trung đoàn 12 giải ngay bọn chúng về sở chỉ huy tiền phương của Bộ ở Cam Ranh...

Sáng hôm sau (17-4), đồng chí Lê Trọng Tấn và đồng chí Lê Quang Hòa đến sư đoàn, thay mặt Bộ, đồng chí biểu dương Sư đoàn 3 chúng tôi là đơn vị bắt được tướng nguy đầu tiên trong chiến dịch. Đồng chí kể: Bộ đã khai thác tên CIA Mỹ, hẳn khai là "Người Mỹ chúng tôi không sai lầm lần thứ ba nữa...". Nói rồi, đồng chí Lê Trọng Tấn và cả sở chỉ huy sư đoàn reo lên: "Thế là trúng rồi, nhận định của Bộ Chính trị thật chính xác, Mỹ không dám trở lại, ta cứ yên tâm đánh tới thôi...".



*Trung tướng VŨ VĂN BA*

## “Binh chủng” đặc biệt: AM và PM

Ngày 22 tháng 04 năm 2005

SAU ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, các cơ sở cách mạng vẫn “ở lại” miền Nam, nên vẫn có nhiều nhu cầu về tài chính. “Ngân hàng quốc gia Việt Nam đã bắt đầu phải lo chuyện tiền bạc cho miền Nam. Tiền bạc đó đương nhiên phải là tiền do chính quyền Sài Gòn phát hành. Sở quản lý ngoại hối-sau đó là Cục ngoại hối, được giao đảm nhiệm việc này. Biện pháp đầu tiên là dùng ngân sách nhà nước để mua tiền Sài Gòn tại thị trường nước ngoài, chủ yếu là tại Hồng Kông...”.

Thời kỳ đầu, hàng năm số tiền lo cho miền Nam không lớn lắm, chỉ tương đương khoảng 1 triệu đô-la. Sau ngày nhà Ngô ra luật 10/59 (5-1959), tình thế đặt ra phải vùng dậy đấu tranh, thì nhu cầu tiền cho cách mạng miền Nam ngày càng tăng và cấp thiết. Lúc đó, Bộ Chính trị giao cho đồng chí Phạm Hùng, là Ủy viên BCT, Phó thủ tướng Chính phủ, phụ trách kinh tài và chi viện cho miền Nam. Đến 1965, sau “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ phá sản, Mỹ chuyển sang tiến hành “chiến tranh cục bộ”, nhu cầu tiền cung cấp cho miền Nam càng khẩn cấp. Đồng chí Phạm Hùng đã đề xuất với Bộ Chính trị một quyết định có ý nghĩa “chiến lược” lịch sử: Lập tại miền Bắc một “Quỹ ngoại tệ đặc biệt”, lấy từ các nguồn quốc tế viện trợ để chi viện trực tiếp cho miền Nam.

“Quỹ ngoại tệ đặc biệt” về hình thức hoạt động công khai chính diện là một phòng riêng thuộc Cục ngoại hối-phóng 29 trong Ngân hàng nhà nước Việt Nam, nên mang biệt danh B29. Để điều hành tuyệt đối bí mật và an toàn, quỹ này theo chỉ đạo đơn tuyến, tồn tại và hoạt động như một “Ngân hàng ngoại hối đặc biệt” phục vụ riêng cho việc chi viện chiến trường bằng ngoại tệ. Từ 1965 đến 1975, biên chế của B29 chỉ hơn chục người, trực tiếp điều hành là ông Mai Hữu Ích, Phó cục trưởng Cục ngoại hối Ngân hàng nhà nước. Nhưng mọi nguồn thu đều nằm ngoài sổ sách ngân khố quốc gia ở miền Bắc; tiến hành hạch toán, kê toán riêng mọi thu-chi; báo cáo định kỳ đơn tuyến trực tiếp cho đồng chí Lê Thanh Nghị (lúc đó Phó thủ tướng Phạm Hùng vào Nam lãnh đạo Trung ương cục).

Trong việc chi viện cho miền Nam, B29 dùng hai phương thức, mang mật hiệu là AM và PM. Trong tiếng Anh, AM dùng khi chỉ thời gian buổi sáng, PM chỉ thời gian buổi chiều. Còn đây là những quy ước tuyệt mật của thời chiến, chưa hề có trong bất cứ tài liệu nào về ngân hàng, tuy về tính năng hoạt động chỉ là hai phương pháp cổ điển của hoạt động ngân hàng: Chuyển bằng tiền mặt-AM; chuyển khoản-PM.

Tuy nhiên, đó là cả một guồng máy rất tinh vi, liên kết cả hậu phương và tiền tuyến, cả trong nước và nước ngoài, kết hợp với những kỹ thuật quân sự, tình báo... rất phức tạp, muôn hình muôn vẻ. Nhu cầu tài chính ở miền Nam về tiền mặt chủ yếu cần cả hai loại tiền Sài Gòn và đô-la Mỹ, ngoài ra là tiền một số nước lân cận. Đầu những năm thập kỷ 60, Trung ương ta đặt vấn đề với các nước bạn viện trợ cho miền Nam bằng đô-la, từ đó ta “chế biến”: mua các loại tiền đưa về nước. Việc “chế biến” thực hiện bởi một cơ sở ngân hàng ở Hồng Kông, được quy ước gọi là Anh Bảo; sau đó tập trung chuyển về một cơ sở ở Quảng Châu-Trung Quốc; từ Hà Nội cử người sang nhận chuyển về nước. Nguồn viện trợ từ các cá nhân và các nước Tây Âu thì “chuyển” ra đô-la Mỹ, rồi dùng “giao thông ngoại giao” chuyển từ Pa-ri qua Mát-xcơ-va về Hà Nội. Hiện nay, tại phòng truyền thống của Vietcombank còn lưu giữ chiếc va-li nhãn hiệu Luxe, do Liên Xô chế tạo, mà các cán bộ ngoại giao đã dùng nó mang hàng triệu đô-la từ đó về Hà Nội.

Tiền chuyển về do B29 quản lý tại 49 Lý Thái Tổ. Khi có lệnh chuyển, Tổng cục Hậu cần của quân đội có bộ phận C100 thuộc đoàn 559 đến làm việc, tiến hành thủ tục giao-nhận, rồi chuyển vào Nam bằng nhiều cách: đi bằng “va-li ngoại giao” tuyến hàng không Hà Nội-Phnom Penh, hoặc qua Quảng Châu-Phnom Penh; nhưng chủ yếu đi bằng tuyến

đường vượt Trường Sơn và đường biển-tàu không số. Tiền vào tới miền Nam, được phân bổ cho từng khu, khi có nhu cầu mới "chế biến" tại chỗ theo cách phân tẩn nhỏ lẻ để tránh sự mất giá của tiền Sài Gòn so với đô-la Mỹ.

Làm theo cách trên gặp nhiều khó khăn, không theo kịp nhu cầu của cuộc kháng chiến. Cho nên đã ra đời phương thức PM-chi viện ngoại tệ cho B2 bằng cách chuyển khoản. Một cơ sở bí mật được cài ngay trong một ngân hàng Sài Gòn, người đảm nhiệm là ông Lữ Minh Châu, mật danh là N2683. N2683 lấy tiền ngay tại ngân hàng này do những chủ doanh nghiệp lớn cung cấp. Theo sự thỏa thuận với N2683, họ lấy tiền mặt từ ngân hàng để "sản xuất-kinh doanh" nhưng thực tế là để cung cấp cho cách mạng. Đổi lại, họ được trả lại bằng ngoại tệ ở nước ngoài-hai bên cùng có lợi! Phương pháp này có thuận lợi hơn là có thể giải quyết chuyển nhanh một số tiền lớn-chỉ trong một ngày thay cho hàng tháng-lại an toàn, kín đáo; không bị thiệt do tỷ giá mà có khi còn sinh lợi nhờ hưởng lãi suất của ngân hàng. Riêng khoản lãi suất này tính trong 10 năm lên tới gần 25 triệu đô-la... Nguyên trưởng phòng B29 Nguyễn Nhật Hồng nói: "Đây giống như một kiểu "đào hới", có lợi cho phía Giải phóng và tất nhiên bảo đảm lợi ích thiết thực của nhà cung cấp. Nghiệp vụ ngân hàng ở đây là sự chuyển tiền bằng điện hới hoặc chuyển bằng séc cầm tay. Nhưng đặc biệt là ở chỗ: đây là một kiểu thanh toán "tay ba": Quý đặc biệt B29 Hà Nội chuyển trả tiền thay cho chiến trường nhận hàng. Thời gian và không gian khác nhau. Nội dung là chuyển tiền điện hới, séc, nhưng sự thể hiện trên "giấy trắng mực đen" thì không ai biết đó là cái gì cả! Tất cả đều đã được quy ước, lộ một khâu nào trong dây chuyền là xem như hết! Rất may là ta đã làm trót lọt cho đến tận ngày 30-4-1975. Theo tổng kết, số tiền này chiếm đến 1/3 tổng số kim ngạch chi viện...". Còn ông N2683-Lữ Minh Châu kể lại: "...Với phương pháp PM, chúng tôi-Ban công tác đặc biệt trực thuộc Trung ương Cục miền Nam, với các loại bí số D270, N2683, mà tôi là Phó trưởng ban, ông Mười Thăng Long là Trưởng ban, đã cung cấp các loại tiền nhanh chóng, đủ và đúng theo yêu cầu của Cục hậu cần miền Nam, góp phần cho cuộc kháng chiến chống Mỹ-ngụy thắng lợi, thống nhất Tổ quốc".

Ngày tháng năm xưa

## Hỏi cung tướng ngự Sài Gòn Nguyễn Vĩnh Nghi

Ngày 25 tháng 04 năm 2005

Sau khi phần lớn Tây Nguyên được giải phóng, ngày 25-3-1975, một cơ quan chiến dịch gọn nhẹ gồm cán bộ của ba tổng cục vừa được hình thành bắt đầu hành quân từ Hà Nội vào chiến trường bằng cả hai phương tiện máy bay và ô tô. Tôi cũng từ ở Bộ tổng Tham mưu với đồng chí Lê Trọng Tấn may mắn được tham gia cuộc hành quân cấp tốc này với cương vị là Trưởng phòng tác chiến mặt trận.

Ngày 4-4-1975, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết số 74 do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương ký, nói rõ: "Giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Trọng Tấn và đồng chí Lê Quang Hóa chỉ huy Quân đoàn 2 (trừ Sư đoàn 324 ở lại bảo vệ Huế, Đà Nẵng) và Sư đoàn 3 của Quân khu 5 cùng các đơn vị binh khí kỹ thuật do Bộ tổng Tham mưu điều động hành quân cấp tốc theo đường ven biển về đồng nam Sài Gòn để cùng các lực lượng tại chỗ hoàn thành nhiệm vụ ở chiến trường trọng điểm". Với tinh thần đó, cánh quân này được gọi là cánh quân Duyên Hải có nhiệm vụ cơ động và tác chiến dọc theo vùng duyên hải miền Trung giải phóng các tỉnh ven biển trước khi tiến vào khu vực tập kết tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sáng ngày 7 tháng 4 năm 1975, sau 2 ngày chuẩn bị, cánh quân Duyên Hải xuất phát từ Đà Nẵng bắt đầu cuộc hành quân thần tốc tiến về phía Nam và ngày 14 tháng 4 năm 1975 đánh Phan Rang, tiến công tuyến phòng thủ từ xa của quân đội Sài Gòn. Lực lượng địch ở Phan Rang gồm lữ đoàn 2 dù, sư đoàn 2 bộ binh mới phục hồi, liên đoàn 31 biệt động quân, sư đoàn 6 không quân ở Thành Sơn có hơn 100 máy bay các loại, cùng các đơn vị địa phương quân của Tiểu khu Ninh Thuận, quân số tổng cộng khoảng hơn một vạn tên do Bộ tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 chỉ huy, đứng đầu là trung tướng 3 sao Nguyễn Vĩnh Nghi.

5 giờ sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, quân ta bắt đầu tấn công Phan Rang, đến khoảng 10 giờ ngày 16 tháng 4 thì hoàn toàn làm chủ thị xã Phan Rang và sân bay Thành Sơn, bắt sống trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, cố vấn Mỹ Javel Lewis cùng nhiều sĩ quan khác của quân ngự Sài Gòn. Nhận được báo cáo về việc quân ta đã bắt sống được tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, đồng chí Lê Trọng Tấn rất mừng. Là tướng vừa ở Tổng hành dinh ra trận, vốn có tầm nhìn chiến lược, Trung tướng liền gọi tôi tới giao nhiệm vụ đi hỏi cung ngay hai viên tướng ngự vừa bắt được. Trước khi đi, Tư lệnh bảo tôi: "Đối với tù binh cấp tướng như Nghi và Sang, đồng chí chỉ cần tìm hiểu hai vấn đề: Một là, có khả năng Tổng thống Thiệu bị lật đổ không, và Thiệu đổ thì ai sẽ thay thế? Hai là, nếu quân ta đánh vào Sài Gòn thì liệu Mỹ có can thiệp không?". Rồi ông vui vẻ nói đùa: "Cậu có mài đầu bạc xem ra có vẻ lão tướng. Làm việc này thuận lợi đấy".

Sau khi nhận được lệnh đó, tôi liền liên lạc điện thoại ngay với đơn vị đang giam giữ Nghi, Sang và tên cố vấn Mỹ. Đơn vị cho tôi biết là ba người đang ở trước mặt và họ đói được đối xử tử tế. Tôi ra lệnh dẫn họ về một ngôi nhà tại Suối Dầu, cạnh quốc lộ 1, giao lại cho đơn vị cảnh vệ của mặt trận để tôi trực tiếp xuống hỏi cung. Lúc vệ binh dẫn họ về sau khi trời đã tối, giữa đường xe bị hỏng máy. Trên xe, ngoài hai viên tướng ngự còn có một người Mỹ trạc 30 tuổi, từ đầu chí cuối ngồi im lặng, làm như không biết tiếng Việt nên quân ta hỏi gì cũng không trả lời. Nhưng khi màn đêm đã buông xuống, anh ta sợ quân du kích từ trong rừng ra sẽ xử anh ta, nên anh ta vội lân la đến cạnh đồng chí lái xe và nói một câu rất đúng tiếng Việt: "Tôi có thể phụ giúp các ông việc gì nào?". Với tay nghề thành thạo, sau mười phút sửa chữa, anh ta đã làm cho chiếc xe nổ máy và đoàn người lại

lên đường.

Khi ba tù binh đã về tới trại giam tạm thời tại khu vực Suối Dầu, nam Diên Khánh, tôi chỉ thị cho đơn vị cảnh vệ ở đây tổ chức canh gác cẩn thận, cho tù binh ăn uống, tắm giặt tử tế, chờ sáng ngày mai sẽ hỏi cung. Tám giờ sáng 17 tháng 4, cuộc hỏi cung bắt đầu. Giúp việc tôi có đồng chí Mẫn, cán bộ Cục Quân báo và đồng chí Hà Thúc Đại, cán bộ Cục Dịch vụ. Hai đồng chí này phụ trách ghi cung và giúp tôi về mặt nghiệp vụ.

Trước khi vào cuộc, tôi hỏi thăm đêm qua họ có ngủ được không, ăn uống thế nào, có điều gì phàn nàn không? Hai tù binh tỏ lời cảm ơn và không có điều gì để đạt. Tách riêng từng người, tôi hỏi Nguyễn Vinh Nghi trước. Nguyễn Vinh Nghi sinh năm 1927, đã có vợ và hai con, đậu tú tài, sau đó học sĩ quan. Đã qua các cấp từ úy đến tá, leo lên đến cấp trung tướng, gần đây nhất giữ chức Tư lệnh vùng 4 (đồng bằng sông Cửu Long). Do không ăn cánh với Thiệu và phạm tội tham nhũng, bị Thiệu điều về làm Giám đốc trường Bộ binh Long Thành, sau đó về làm phó cho Tư lệnh vùng 3, trung tướng Nguyễn Văn Toàn.

Sau một vài câu hỏi có tính chất thủ tục ban đầu và trấn an tư tưởng bằng cách nhắc lại một số điểm trong chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng, tôi đi ngay vào vấn đề. Tôi cũng không quên nói rõ tình hình chiến sự gần đây và hình thái quân sự của đôi bên để Nghi nhận rõ thêm tình hình tuyệt vọng của phía Sài Gòn. Tôi nói:

- Ông Nghi! Ông thấy đấy, chúng tôi đang lợi thế, sớm muộn thế nào cũng sẽ tấn công vào Sài Gòn. Khi chúng tôi vào Sài Gòn, liệu Mỹ có nhảy vào không và nhảy bằng cách nào?

- Xin lỗi ông-Vinh Nghi đáp-Đấy là một vấn đề thuộc lĩnh vực chiến lược, một vấn đề thuộc cấp trên.

- Nhưng ông là tướng lĩnh nào ông không có tầm nhìn và không có ý kiến của riêng mình?

- Nếu ông muốn hỏi ý kiến cá nhân thì tôi cũng có thể trả lời. Tôi thấy người Mỹ hứa nhiều, nhưng chẳng làm bao nhiêu. Nói một cách khác, Mỹ ít giữ lời hứa với bạn bè mỗi lúc đụng chạm tới quyền lợi của họ. Vả lại, nước Mỹ cũng đang bẽ bối lắm. Làm bạn với Mỹ thật khó.

- Cảm ơn ông đã nói thật suy nghĩ của mình. Thế về Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, chúng tôi được biết gần đây ông Thiệu không còn được tin nhiệm trong hàng ngũ tướng lĩnh. Trước tình hình nghiêm trọng như hiện nay mà ông Thiệu là người chịu trách nhiệm chính, ông có nghĩ đến việc ông Thiệu từ chức hoặc bị đánh đổ không? Nếu trường hợp đó xảy ra, theo ông thì ai là người có khả năng lên thay thế ông Thiệu?

- Tôi nghĩ rằng tình hình đã đến mức nghiêm trọng mà tướng lĩnh chúng tôi thì mỗi người có cách suy nghĩ riêng, có chỗ dựa riêng, khó đồng tâm nhất trí. Hiện nay chỉ có ông Thiệu là người duy nhất đoàn kết được các tướng lĩnh và quốc dân đồng bào. Nếu ông Thiệu cũng bó tay thì coi như mọi việc đã kết thúc.

Nói xong Vinh Nghi nhìn sang một phía khác, cặp mắt lơ đãng hình như không muốn nói thêm điều gì. Tôi thấy cần phải đánh vào lòng tự ái của Nghi, kêu gọi sự chống đối của hắn ta đối với những người đã hạ bệ mình. Tôi nói:

- Ông Nghi! Ông kể thật khó lý giải tại sao một người như ông, nguyên Tư lệnh vùng 4, một vùng giàu có, có một vị trí chiến lược quan trọng, mà lại phải điều về làm phó cho ông Toàn cũng là Tư lệnh một vùng?

Hình như hiểu rõ ý đồ của tôi, Vinh Nghi nhẹ cười và nói vấn tắt:

- Tôi là một quân nhân. Tôi chỉ biết chấp hành lệnh trên.

- Theo ý ông thì tại sao Phan Rang bị thất thủ nhanh như vậy trong lúc các ông đã tuyên bố tử thủ tại Phan Rang?

- Đối với người chỉ huy từng trải như ông, điều đó cũng dễ hiểu thôi! Sở dĩ Phan Rang thất thủ nhanh vì ba lẽ: Một là, binh lính mất tinh thần không chịu chiến đấu. Hai là, chúng tôi thiếu tiếp liệu, thiếu vũ khí, đạn dược cần thiết. Ba là, chúng tôi thiếu thời gian. Xin lỗi ông, nếu chậm một tháng nữa các ông mới tới thì tình hình có thể khác.

Đánh vào lòng tự ái của Nghi không được, tôi chuyển sang phương pháp khác. Tôi rút nước, đưa thuốc là mời Nghi nhưng Nghi từ chối hút thuốc, chỉ uống nước.

- Chúng ta có thể kết thúc cuộc nói chuyện tại đây. Ông có đề nghị gì không?

- Hiện nay tôi là một tù binh, tính mạng nằm trong tay các ông. Yêu cầu các ông

tuân theo đúng luật pháp quốc tế về vấn đề tù binh mà Hiệp định Giơ-ne-vơ đã quy định. Nếu các ông làm khác đi thì mình tôi xin chịu cả, xin đừng làm hại gia đình, vợ con tôi. Xin cảm ơn các ông.

Tôi được dịp nói rõ thêm để Nghị an lòng:

- Ông thấy đấy, chúng tôi đối xử với tù binh rất nhân đạo. Từ khi ông bị bắt đến giờ, chúng tôi đối đãi với ông chắc không có gì đáng để ông phàn nàn. Nhưng tôi cũng khuyên ông một điều: phải nhận rõ mình là người có tội với dân tộc, với nhân dân, phải biết ăn năn, hối lỗi, thành thật khai báo để lập công chuộc tội. Ông có sớm được về với vợ con gia đình là tùy thuộc thái độ của ông. Ông sẽ được về tuyến sau.

Đến đây, Vĩnh Nghi hơi chột dạ, hình như muốn nói gì thêm. Tôi không bỏ lỡ dịp tốt:

- Tôi còn ít thời gian. Nếu ông muốn chúng tôi sẽ trao đổi thêm về thể cuộc. Không rõ các ông đánh giá thế nào về chúng tôi?

- Tôi cũng không có nhiều thông tin. Bộ tổng Tham mưu cũng chẳng mấy thông báo, chỉ biết là các ông có một số lực lượng mới chuyển từ miền Bắc vào, có ý định đánh chiếm Sài Gòn theo hai hướng, đường 1 và đường 22, sử dụng lực lượng cơ sở tại chỗ là chủ yếu.

- Ông có thể phân tích đôi điều về trận chiến sắp tới nếu xảy ra không?

- Thật là khó nói lúc chưa có đủ các yếu tố. Về các ông thế nào thì tôi chưa được rõ lắm, tôi chỉ nói về phía chúng tôi. Chúng tôi đang ở thế yếu. Cách phòng thủ Sài Gòn hiện nay là phòng thủ từ xa theo hình vòng cung từ Gò Dầu Hạ, Lai Khê, Biên Hòa, Xuân Lộc, lực lượng mỗi hướng có khoảng một sư đoàn. Còn trong nội đô thì không có chủ lực, không tổ chức phòng ngự kiên cố, chỉ có lực lượng cảnh sát, địa phương quân, nhân dân tự vệ... Nếu các ông diệt được lực lượng án ngữ vòng ngoài, khống chế và làm tê liệt sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa và chiếm được hai mục tiêu quan trọng là Bộ tổng Tham mưu và trại Hoàng Hoa Thám của quân dù thì các ông sẽ làm chủ Sài Gòn, Sài Gòn sẽ sụp đổ nhanh.

Thấy thái độ của Vĩnh Nghi đã có chuyển và đã nói ra được những điều mà cả cơ quan tham mưu chiến lược của ta cũng đang cần biết, tôi bèn tranh thủ "lấn sân" luôn:

- Ông có nhận xét gì về tác dụng của các sân bay trong hoàn cảnh hiện nay không?

- Hiện nay lực lượng bị căng mỏng, lực lượng trụ bị còn ít nên phía chúng tôi chủ yếu dựa vào không quân của bốn sân bay Thành Sơn, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ. Nay sân bay Thành Sơn đã bị mất, chỉ còn lại ba cái mà quan trọng nhất là sân bay Biên Hòa vì toàn bộ máy bay F.5 và A.37 đều được sửa chữa và bảo trì tại đây, còn sân bay Tân Sơn Nhất và Cần Thơ không có kỹ thuật để bảo trì hai loại phản lực này. Muốn khống chế sân bay, dùng pháo bắn từng đợt cũng tốt, nhưng trong lúc này tôi sợ nhất lối bắn liên tục kéo dài của các ông, cứ 15 - 30 phút bắn một đợt, mỗi đợt vài phát vào hai đầu đường băng. Như vậy thợ máy không dám ra bảo dưỡng và lắp bom, máy bay không dám cất cánh.

- Còn kho tàng, nên phá hủy cái nào? Chiếm giữ cái nào?

Sau một giây lát suy nghĩ, Vĩnh Nghi trả lời:

- Hiện nay kho Cái Bè và kho Cát Lái là quan trọng nhất. Kho Cái Bè chứa xăng dầu, kho Cát Lái chứa đạn dược. Kho Long Bình chứa hàng hóa và một số vật tư, thiết bị máy móc. Còn chiếm cái nào, phá hủy cái nào là tùy các ông.

Tôi đặt câu hỏi chủ bài cuối cùng:

- Vùng 4, vùng chiến thuật quan trọng, xưa kia nằm dưới quyền của ông có thể là nơi tử thủ cuối cùng của quân đội cộng hòa hay không?

- Không, trăm ngàn lần không. Tôi chưa bao giờ nghe nói kế hoạch này và tôi tin là không có, vì vùng 4 không chuẩn bị cơ sở tiếp tế và hậu cần.

Trước khi chia tay, tôi nói với Nghị:

- Ông sẽ được đối xử tử tế theo đúng chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và sẽ được đưa về tuyến sau. Tôi cũng mong ông tiếp tục suy ngẫm về quá khứ và thời cuộc để có hành động tức thời, có lợi cho dân cho nước, chuộc lại phần nào lỗi lầm đã qua.

Vĩnh Nghi không đáp, chỉ cúi đầu chào tôi.

Trở về Sở chỉ huy tôi báo cáo lại với đồng chí Lê Trọng Tấn toán bộ diễn biến cuộc hồi cung. Sau giây lát trầm ngâm suy nghĩ, đồng chí vui vẻ nói: "Thế là đã rõ. Ngụy quyền dao động, lục đục. Ngụy quân mất sức chiến đấu, khó lòng chống đỡ nổi cuộc tiến công vũ bão của chúng ta. Mỹ cũng đang gặp bẽ bối không dễ gì quay trở lại can thiệp. Thế là an tâm thực hiện kế hoạch đã định, giải phóng miền Nam. Còn các mục tiêu chiến dịch và cách đánh vào Sài Gòn mà Vĩnh Nghi đã nêu lên, cơ quan tham mưu cần nghiên cứu thêm để bổ sung kế hoạch tác chiến cho đầy đủ".

Các mục tiêu mà Nghi đề cập đến đúng là những mục tiêu hiểm yếu mà trong kế hoạch tác chiến của ta đã xác định, còn cách đánh táo bạo khôn ngoan để giảm bớt thiệt hại cho dân thường, để thành phố khỏi đổ nát thì làm sao mà tướng Nghi hình dung ra được.

Bản cung của tướng Nghi theo chỉ thị của đồng chí Lê Trọng Tấn đã được điện gáp về Tổng hành dinh ở Hà Nội để cơ quan đầu não có thêm cơ sở đánh giá tình hình vững tâm thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam.



*Thiếu tướng Lê Phi Long*

## Hồi ức-Kỷ niệm

### Ba tiểu đoàn đặc biệt của Sư đoàn 316

Ngày 25 tháng 04 năm 2005



Trung tướng PGS, TS Nguyễn Hải Bằng

Cuối tháng 3-1975, sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Sư đoàn 316 được lệnh gấp rút chuẩn bị mọi mặt để tiến quân vào Nam Bộ.

Tôi đã ngót chục năm lặn lội ở miền Đông, lại vừa trải qua trận Buôn Ma Thuột nên hình dung ngay được cái khác nhau của hai chiến trường rừng núi và đồng bằng, từ đó nhận ra những yêu cầu cần thiết về tổ chức chiến đấu ở nơi sư đoàn mình sắp tới. Nhiều việc phải quan tâm nhưng có hai vấn đề khó khăn nổi lên trước mắt cần giải quyết gấp: Thứ nhất, là đạn pháo 122mm rất hiếm, hậu phương vận chuyển vào không kịp, phải bán dè sẻn và tất nhiên kết quả sẽ bị hạn chế. Thứ hai, là sự chi viện của xe tăng trong tác chiến hợp đồng có lúc chưa ăn khớp. Tôi suy nghĩ miên man. Về pháo lớn, ở Buôn Ma Thuột, địch có 33 khẩu mà có lúc mình còn chưa bịt miệng được, vào trong miền Đông chúng trang bị nhiều hơn, hai bên sẽ phải đối mặt. Chắc chắn mình thiếu đạn, lúc ấy phải xoay xở thế nào? Còn xe tăng thì chưa biết tình thế nào nếu trên chi viện ít, không đạt yêu cầu.

Thế rồi một hôm, trong lúc nghiên cứu báo cáo tổng hợp vũ khí và phương tiện thu được của địch, so sánh cân nhắc những con số, tôi bỗng nảy ra ý tưởng: có thể tổ chức những tiểu đoàn sử dụng ngay số vũ khí và phương tiện chiến lợi phẩm ấy để biên chế vào lực lượng chiến đấu sắp tới. Tôi dự định sẽ để lại toàn bộ số pháo 122mm ở miền Bắc đưa vào, thay thế bằng pháo 105mm Mỹ để có thể sử dụng loại đạn này, nhất ở đầu, chỗ nào cũng có, rất nhiều. Như vậy là ta dùng "gậy ông đập lưng ông" mà sẽ không phải lo chuyện tiếp tế đạn trong những trận đánh sắp tới. Thế là có hướng giải quyết được một việc. Còn chuyện xe tăng thì với số xe bọc thép M113 thu được, đủ tổ chức một tiểu đoàn 18 chiếc để làm lực lượng đột kích, sư đoàn hoàn toàn có thể chủ động chi viện cho bộ binh trong mọi điều kiện.

Thường vụ Đảng ủy sư đoàn bàn ý định của tôi và mọi người đều nhất trí. Thế là 2 tiểu đoàn pháo 122mm thuộc trung đoàn 187 được lệnh tổ chức chuyển đổi sang dùng pháo 105mm Mỹ, mỗi tiểu đoàn 12 khẩu. Tất nhiên phải tiến hành huấn luyện bổ sung để anh em nhanh chóng sử dụng thành thạo pháo mới. Chuyện này không mấy khó khăn.

Riêng với tiểu đoàn xe bọc thép M113, nói chung các xạ thủ sử dụng súng trên xe không thiếu nhưng người lái xe thì hơi căng. Nhưng rồi sư đoàn đã cùng chính quyền địa phương huy động số công nhân máy kéo trong các đồn điền cao su quanh đây, kể cả việc sử dụng một số lính thiết giáp nguyện tình nguyện đi chiến đấu. Chuyện hơi khó và phải thận trọng nhưng sau cũng ổn. Anh em được huấn luyện bổ túc để có thể điều khiển thành thạo xe.

Ngày 3-4-1975, nằm trong đội hình Quân đoàn 3, Sư đoàn 316 tiến quân vào Trảng Bàng (Tây Ninh) làm nhiệm vụ tổ chức chốt chặn chiến dịch. Thực chất công việc này là tổ chức trận địa phòng ngự để ngăn chặn địch trên đường số 1 và số 22, không cho sư đoàn 25 nguy từ Tây Ninh cơ về tăng cường cho tuyến phòng thủ bên trong Sài Gòn. Từ đây, sư đoàn chuẩn bị mọi điều kiện, tiến tới tiêu diệt sư đoàn 25 nguy thật nhanh để

trở về làm lực lượng dự bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Địa bàn tác chiến của Sư đoàn 316 lần này nằm trong khu vực 2 huyện Gò Dầu, Trảng Bàng của tỉnh Tây Ninh và huyện Củ Chi của Sài Gòn-Gia Định. Về quân số và binh khí kỹ thuật của ta không ưu thế hơn địch trên toàn địa bàn sư đoàn đảm nhiệm, tuy nhiên với trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng của sư đoàn đã được nâng cao, Ban chỉ huy sư đoàn thống nhất quyết tâm diệt toàn bộ quân địch trong khu vực được giao bằng cách tập trung lực lượng, tạo thành ưu thế trong từng trận đánh.

Trên hướng này, địch bố trí lực lượng hình thành ba cụm phòng ngự liên hoàn, do các trung đoàn bộ binh 49 và 46 cùng một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 50 đều thuộc sư đoàn 25 ngụy, cộng thêm liên đoàn biệt động quân 32, các đơn vị bảo an, cảnh sát, dân vệ, thiết đoàn 10 tăng - thiết giáp... với quân số có tới hơn 10.000 tên. Tất cả đều nằm trên các trục giao thông àn ngữ tuyến ngoài của Sài Gòn-Gia Định.

Hỏa lực pháo binh địch trong địa bàn có 48 khẩu (24 khẩu 105mm và 24 khẩu 155mm) được bố trí thành 8 trận địa xen kẽ giữa các cứ điểm.

Hệ thống này khá dày đặc, bắn tương đối chính xác vì được đo đạc và kế hoạch hỏa lực sẵn. Trong đó có 4 trận địa pháo rất nguy hại là: Đồng Chùa, Cẩm Giàng, Bến Mương và Lào Tào, do tên sư đoàn trưởng sư đoàn 25 ngụy trực tiếp nắm, làm nòng cốt của hệ thống hỏa lực pháo binh địch trên địa bàn. Để hạn chế tác dụng pháo địch, giảm bớt những khó khăn cho quân ta trong tác chiến sắp tới, sư đoàn chủ trương dùng pháo của sư đoàn cùng cụm pháo binh của chiến dịch tăng cường, tiến hành một đợt tác chiến tập trung đánh phủ đầu tiêu diệt 4 trận địa pháo nguy hại nhất của địch. Một kế hoạch tác chiến được vạch ra tỉ mỉ:

Toàn bộ 2 tiểu đoàn pháo 105mm của trung đoàn 187 (24 khẩu) cùng cụm pháo binh 130mm số 4 của chiến dịch chi viện (12 khẩu) tập trung tiêu diệt bằng được cụm pháo lớn nhất của địch là Đồng Chùa (4 khẩu 155mm và 6 khẩu 105mm) trong ngày 12-4. Sau đó lần lượt chuyển sang diệt nốt 3 cụm còn lại là Cẩm Giàng, Bến Mương, Lào Tào. Tất cả súng cối của các trung đoàn chia nhau ra bắn khống chế những trận địa pháo khác để hạn chế việc địch chi viện cho nhau. Để có hiệu quả cao, các tiểu đoàn pháo của ta đều tổ chức những đội trinh sát luồn sâu, có du kích địa phương dẫn đường vào gần địch, tìm vị trí thuận lợi đặt đài quan sát, chỉ thị mục tiêu và thông báo điểm chạm chính xác, phục vụ đắc lực cho các khẩu đội bắn trúng đích.

Thế là với số pháo lớn của ta không nhiều hơn địch nhưng chỉ từ ngày 12 đến ngày 14-4-1975, với lượng đạn dồi dào, bắn thoải mái, không hạn chế, lần lượt các trận địa pháo binh nguy hại của địch ở Đồng Chùa, Cẩm Giàng, Bến Mương, Lào Tào bị ta tiêu diệt hoàn toàn. Trong khoảng thời gian rất ngắn ấy, địch mất gần một nửa tổng số pháo (22/48 khẩu) đã cay rồi, nhưng đau xót hơn nữa là số pháo 155mm có 24 khẩu thì chỉ còn lại một phần ba (8 khẩu). Về mặt tinh thần, 4 trận địa pháo nòng cốt bị xóa sổ đã làm cho các trận địa còn lại của địch suy sụp tinh thần, rất hoang mang lo sợ...

Chiều 26-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Ngày 29-4-1975, trung đoàn bộ binh 174 diệt và bắt sống hàng nghìn tên thuộc trung đoàn 50 và Liên đoàn biệt động quân 32 ngụy, trong đó có tên trung tá Lê Khải Toàn - chỉ huy trưởng liên đoàn này, giải phóng hoàn toàn huyện Củ Chi và còn tạo điều kiện thuận lợi cho Sư đoàn 320 của Quân đoàn 3 tiến công đánh chiếm Đồng Dù. Cùng ngày, trung đoàn 148 tiến công mãnh liệt vào khu vực Bầu Nâu-Trà Võ-Bến Mương. Trận đánh kéo dài suốt đêm 29-4, ta tiêu diệt trung đoàn 49 ngụy và lực lượng bảo an địa phương. Trung đoàn 148 giải phóng hoàn toàn huyện Gò Dầu.

Trung đoàn 149 tiến công thị trấn và chi khu Trảng Bàng cùng cụm trung đoàn 46 ngụy ngay ban ngày. Để nhanh chóng giải quyết các căn cứ trên, trong điều kiện trên không tăng cường xe tăng cho sư đoàn, tiểu đoàn xe thép M113 được điều đi chi viện cho bộ binh tổ chức đột phá. Tiểu đoàn ấy đã phát huy tác dụng khá tốt, góp phần cùng trung đoàn 149 tiêu diệt trung đoàn 46/sư đoàn 25 ngụy và đánh chiếm Trảng Bàng, giải phóng hoàn toàn huyện này.

Như vậy là đến hết ngày 29-4-1975, Sư đoàn 316 đã hoàn thành nhiệm vụ giam chân và tiêu diệt sư đoàn 25 ngụy ở tuyến ngoài gồm: 2 trung đoàn 46 và 49, một tiểu đoàn trung đoàn 50, Thiết đoàn 10 tăng - thiết giáp, Liên đoàn biệt động quân 32 và các tiểu đoàn bảo an, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10.000 tên địch, cùng lực lượng địa

---

phương giải phóng hoàn toàn ba huyện Gò Dầu, Trảng Bàng, Củ Chi.

Để nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ làm lực lượng dự bị của chiến dịch, 3 giờ sáng ngày 30-4-1975, toàn bộ trung đoàn 174 đã lên xe, do trình sát sư đoàn dẫn đường, từ Củ Chi thẳng tiến vào quận Hóc Môn (Sài Gòn). 6 giờ sáng cùng ngày, Sở chỉ huy Sư đoàn 316 cũng lên đường đi trước, nhận lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch đồng thời để chỉ huy trung đoàn 174 vào chiến đấu ngay.

Hai trung đoàn 148 và 149 cùng các đơn vị trực thuộc của sư đoàn cũng nhanh chóng củng cố tổ chức, bổ sung đạn dược, lần lượt di chuyển theo sau vào Hóc Môn để tham gia chiến đấu.

▲ TOP

*Nguyễn Tân ghi*

---

## Trận pháo kích cuối cùng vào Bộ tổng tham mưu ngụy

Ngày 28 tháng 04 năm 2005

Trận pháo kích cuối cùng vào Bộ Tổng tham mưu ngụy là một trận đánh để lại dấu ấn sâu sắc trong ký ức những người lính trẻ chúng tôi ngày ấy. Đại đội 6 thuộc Tiểu đoàn 2, đoàn Pháo binh Tấn Thắng, thuộc Binh đoàn Quyết Thắng nhận được lệnh cơ động thọc sâu, sẵn sàng chế áp và tiêu diệt những mục tiêu trọng yếu trong hệ thống dinh lũy cuối cùng của Quân ngụy ở Sài Gòn. Đại đội vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cùng tiểu đoàn pháo kích vào căn cứ Phú Lợi. Lúc này đại đội chỉ còn 3 khẩu, 1 khẩu bị hỏng không thể tham gia chiến đấu được. Là chiến sĩ kế toán pháo binh, từ Đại đội 816, tôi được lệnh tăng cường cho C6. Đại đội chúng tôi hành quân "Thần tốc" đi trong đội hình binh chủng hợp thành, có một đại đội Pháo PK37 đi kèm bảo vệ. Bỏ qua tất cả những mục tiêu, những đồn bốt địch còn sáng trưng đèn, đêm 29-4 đại đội hành quân suốt đêm và hơn 7 giờ sáng đại đội vào chiếm lĩnh trận địa, triển khai nhiệm vụ chiến đấu. Trận địa là một vạt rừng cao su ven Quốc lộ 13 gần chợ Búng (Thủ Dầu Một). Trên đường hành quân vào trận địa chúng tôi chứng kiến cảnh từng toán lính ngụy trên mình chỉ còn mỗi chiếc quần xá lỏn, có tên may mắn còn chiếc áo lót, đầu trần, chân đất tháo chạy dọc Quốc lộ 13. Mặc, toàn đơn vị lao vào thực thi nhiệm vụ khẩn trương và quyết liệt. Trước mặt chúng tôi tiếng súng pháo xe tăng, trung liên, tiểu liên vẫn âm âm ở hướng Lái Thiêu, cầu Bình Triệu.

Công tác chỉ huy bắn trong trận pháo kích cuối cùng vào Bộ Tổng tham mưu ngụy gặp rất nhiều khó khăn. Thời gian khẩn cấp từng phút, từng giây, khí tài đo đạc bị hư hỏng sau nhiều ngày hành quân thần tốc, trận địa đặt ở một vùng đất lạ, mục tiêu chuẩn bị bắn lại nằm giữa Sài Gòn, không có đài quan sát. Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, chủ nhiệm trinh sát của Lữ đoàn là người trực tiếp chỉ huy trận pháo kích vào Bộ Tổng tham mưu ngụy. Là người đã có bề dày kinh nghiệm ở các chiến trường Khu 5, Quảng Trị, đồng chí đã vận dụng phương pháp chuẩn bị phần tử vừa tinh mật vừa giản dị, tọa độ trận địa và mục tiêu đã được tính toán chính xác. Cụ li đo đạc được đồng chí xác định trên bản đồ, bóc tọa độ, tôi được giao nhiệm vụ tính toán bằng giải tích (Logarit), hai cụ li tính bằng hai phương pháp là tương đương. Vấn đề khó khăn nhất là lượng sửa bắn phải thích hợp, trong khi các khí tài đo hướng gió, tốc độ gió, áp suất không khí, nhiệt độ v.v.. đều bị hư hỏng hoặc độ chưa thể hiệu chỉnh. Quan sát bầu trời, không khí, hướng gió, sau một thoáng suy nghĩ và tính toán, đồng chí quyết định trừ vào phần tử bắn một lượng sửa thích hợp. Mọi công tác chuẩn bị đã xong. Phần tử bắn đã được chuẩn bị cho cả 3 mục tiêu: Bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh Độc Lập và Bộ Tư lệnh Hải quân. Song quyết định của cấp trên: Pháo kích vào Bộ Tổng tham mưu ngụy 9 giờ 15 phút được lệnh phát hỏa. Sau loạt đạn đầu kiểm nghiệm, trinh sát bộ binh bảo vệ đạn trúng mục tiêu (Đại đội 6 pháo kích, chế áp để chi viện cho một đơn vị thuộc Đại đoàn Đồng Bằng đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy). 45 phát đạn đại pháo 130mm đã bắn trúng sở chỉ huy hành quân của Bộ Tổng tham mưu ngụy, không một phát đạn nào lọt ra ngoài mục tiêu và khu dân cư. Đại đội 6 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần chi viện cho đơn vị thuộc Đại đoàn Đồng Bằng đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy vào lúc hơn 10 giờ ngày 30-4. Một sự ngẫu nhiên trùng lặp, đoàn Pháo binh Tấn Thắng anh hùng năm xưa (tên đoàn Tấn Thắng do Bác Hồ đặt) đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, lập nhiều chiến công hiển hách, được Bác Hồ khen pháo binh: "Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng". Đại đội 6 (chính là đại đội Sơn Pháo 75 ngày xưa) đã từng Pháo kích vào đồi Him Lam và tham gia giải phòng Điện Biên Phủ, khi ấy mới chỉ có những khẩu sơn pháo (khiêng, vác). Ngày 30-4-1975, trực tiếp pháo kích vào Bộ Tổng tham mưu ngụy với trận địa pháo xe kéo 130mm. mỗi trái đạn

pháo như một trái bom đã góp phần làm sụp đổ hoàn toàn chế độ nguy quân, nguy quyền ở Sài Gòn. Sau chiến thắng 30-4, Đại đội 6 được phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đoàn 2 và Đoàn pháo binh Tắt Thắng đều là những đơn vị được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ.

 TOP

NGO ĐỨC TRẦN (Nguyên kế toán pháo binh đại đội 6)

---

Quan Doi Nhan Dan newspaper, 28 April 2005, accessed 6 May 2005 at <http://www.quandoinhandan.org.vn/ct/?id=2523&subject=3>

Article titled:

## Thượng tướng Lê Ngọc Hiền, nguyên Phó Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam, nguyên Tham mưu trưởng chiến dịch Hồ Chí Minh: Những điều

By Ho Quang Phuong

### **Dương Văn Minh chỉ là con bài của Mỹ hòng tranh thủ giải pháp thỏa hiệp**

*PV: Mời đây, có ý kiến cho rằng "Sài Gòn giữ được nguyên vẹn như vậy không thể không nói tới vai trò của Dương Văn Minh và nội các của ông ta". Thượng tướng đánh giá thế nào về ý kiến này?*

**Thượng tướng Lê Ngọc Hiền:** Tôi xin khẳng định Dương Văn Minh chỉ là con bài của Mỹ hòng tranh thủ giải pháp thỏa hiệp. Anh em bộ đội và quần chúng nhân dân rất bất bình với ý kiến này.

Sài Gòn giữ được nguyên vẹn hoàn toàn không có một chút gì vai trò của Dương Văn Minh. Ngay trong kế hoạch tác chiến, ta đã xác định rất rõ ràng 6 cụm mục tiêu cho 6 cánh quân (chứ không phải 5 như sách báo vẫn nói), toàn là những cơ quan đầu não của địch: Cụm một là bộ tư lệnh hải quân, cảng hải quân và thương cảng do cánh quân Đông Nam (Quân đoàn 2) đảm nhận. Cụm hai là dinh Độc Lập do cánh quân chính Đông (Quân đoàn 4) đảm nhận. Cụm ba là bộ tổng tham mưu ngụy do cánh quân phía Bắc (Quân đoàn 1) đảm nhận. Cụm bốn là căn cứ không quân Tân Sơn Nhất- bộ tư lệnh không quân, bộ tư lệnh quân dù do cánh quân phía Tây Bắc (Quân đoàn 3) đảm nhận. Cụm năm là bộ tư lệnh biệt khu thủ đô do cánh quân Tây Nam (Đoàn 232) đảm nhận. Cụm sáu là tổng nha cảnh sát do hai trung đoàn độc lập số 88 và 24 đảm nhận. Toàn bộ pháo binh của ta sẽ tập trung đánh vào những mục tiêu này, nhằm đánh giáp đầu, làm tê liệt hoàn toàn đối phương. Không hề có một quả đạn pháo nào của ta bắn vào khu dân cư. Như vậy, ngay từ đầu ta đã xác định rõ ràng phải cố gắng giữ nguyên vẹn thành phố.

Tôi cho rằng ý kiến này có ác ý, coi Dương Văn Minh là "cơ sở" của công tác địch vận, qua đó phủ nhận toàn bộ hy sinh xương máu của đồng bào, đồng chí, đồng đội trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như ngay trong chiến dịch cuối cùng, quyết định là chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trong chiến dịch cuối cùng này, con số hy sinh và bị thương của bộ đội ta lên tới vài nghìn. Sự thật là đối phương đã ngoan cố chống cự đến những giờ phút cuối cùng. Biết bao chiến sĩ của ta đã ngã xuống ở ngay trên đường phố Sài Gòn. Máu của chiến sĩ ta vẫn đỏ khi thắng lợi đã đến rất gần. Đau lòng lắm... (Nói đến đây, ông nghẹn lại, nước mắt trào ra. Chúng tôi lặng im, mắt cay xè, toàn thân gai lên.)

Quan Doi Nhan Dan, 28 April 2005, accessed 6 May 2005 at <http://www.quandoinhandan.org.vn/ct/?id=2523&subject=3>

## Ở hướng thứ năm của chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 26 tháng 04 năm 2005

### **Nghi binh để địch tưởng là... nghi binh**

Sau chiến thắng Phước Long, các đơn vị nỏ nức chuẩn bị cho những trận đánh

lớn hơn. Giữa lúc đó Bộ Tư lệnh Miền nhận được điện của Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho B2 vừa mở các chiến dịch của chủ lực, vừa đánh phá bình định, mở rộng vùng giải phóng, mở thông hành lang vận chuyển trên đất ta về hướng đồng bằng sông Cửu Long. Bộ Tổng tư lệnh còn giao một nhiệm vụ quan trọng khác là B2 vừa tác chiến, vừa khẩn trương xây dựng lực lượng ba thứ quân, sẵn sàng đón thời cơ chiến lược.

“Được lời như cởi tấm lòng”, Bộ Tư lệnh Miền vội huy động các cơ quan và đơn vị triển khai công việc. Phải coi trọng xây dựng cả ba thứ quân, nhưng khối chủ lực được ưu tiên. Quân đoàn 4 được bổ sung đầy đủ quân số và trang bị. Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền quyết định lập thêm một quân đoàn nữa ở Nam Bộ để đón thời cơ lớn. Quân đoàn 232 ra đời ngay sau đó. Với lực lượng hai quân đoàn hùng hậu trong tay, tháng 2-1975, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở 2 chiến dịch ở hai hướng quan trọng khác nhau: Quân đoàn 4 mở chiến dịch ở khu vực Dầu Tiếng, tạo thế uy hiếp Sài Gòn không cho địch dồn lực lượng ra chi viện cho Tây Nguyên. Còn Quân đoàn 232 mới được thành lập, mở chiến dịch ở hướng Tây Ninh với nhiệm vụ tiêu diệt và đập tan tuyến phòng thủ biên giới của địch. Trong quá trình chuẩn bị, Quân đoàn 232 chúng tôi tìm mọi cách nghi binh, làm cho Bộ Tổng tham mưu ngụy phân đoàn là “Việt cộng” bày trò đánh biên giới để kéo chủ lực ngụy ra đó rồi bất ngờ quay lại đánh chiếm thị xã Tây Ninh để làm trụ sở ra mắt Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Vì vậy họ vội vàng điều toàn bộ sư đoàn 25 ngụy cùng xe, pháo về cụm tại Trảng Lớn ở ngoại thành Tây Ninh. Thế là rất có lợi cho quân đoàn 232 bước vào chiến dịch. Qua nghiên cứu và điều tra kỹ thực địa, chúng tôi chọn đồn Bến Cầu, đồn “rắn” nhất trong hệ thống phòng thủ biên giới của địch. Nếu dứt điểm được Bến Cầu sẽ làm các đồn, bốt khác hoảng hốt, càng tạo thuận lợi cho các trận sau. Quả nhiên đồn Bến Cầu không trụ nổi, tên chỉ huy bị chết khi quân ta xung phong vào đồn. Những trận tiếp theo là các đồn Mộc Bài, An Thạnh, Trà Cao, Quéo Ba... đều lần lượt chịu chung số phận. Đến cuối tháng 3-1975, quân đoàn 232 đã tiến đến bên ngoài thị xã Mộc Hóa, tỉnh Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Bộ Tư lệnh Miền lệnh khẩn cấp cho Quân đoàn chuẩn bị khẩn trương mở cuộc tấn công giải phóng thị xã Mộc Hóa càng sớm càng tốt. Chiếm được thị xã Mộc Hóa là cơ sở để giải phóng Đồng Tháp Mười và mở ra cục diện mới ở đồng bằng sông Cửu Long trước thời cơ mới.

#### Từ “phá cầu” chuyển sang... giữ cầu!

Ngày 4-4-1975, sắp tới giờ nổ súng thì chúng tôi nhận được bức điện tối khẩn của Bộ Tư lệnh Miền gồm 2 điểm: 1) Lệnh cho Đoàn 232 thôi không đánh Mộc Hóa, mà điều ngay một Sư đoàn xuống cắt lộ 4 và chuẩn bị gấp đánh chiếm thị xã Tân An (thị xã Long An bây giờ). 2) Chỉ đạo đặc công đánh sập cầu Bến Lức nằm trên lộ 4, quyết không cho địch từ đồng bằng kéo về ứng cứu Sài Gòn. Ngoài ra bức điện còn thêm: anh Sáu Nam (Lê Đức Anh, Phó tư lệnh Miền) và anh Hai Lê (Lê Văn Tường, Phó chính ủy Miền) đang trên đường đến chỗ các anh để truyền đạt nhiệm vụ mới.

Sự thay đổi nhiệm vụ quả đột ngột làm chúng tôi ngồi ngẩn ra nhìn nhau. Đảng ủy Quân đoàn họp trong đêm, phân công chỉ Năm Ngà-Tư lệnh Quân đoàn 232 và đồng chí Phó chính ủy Tư Râu báo tin này tới đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Kiến Tường và chuẩn bị cho Sư đoàn 5 xuống cắt lộ 4. Đồng chí Phó tư lệnh Hai Nghiêm (Trần Văn Nghiêm) và tôi (chính ủy Tám Trần) lên đường tới Tỉnh ủy Long An.

Sẩm tối mới tới cơ quan Tỉnh ủy Long An. Ăn qua quýt xong, chủ và khách cùng chui vào hạp trong một chiếc màn rộng phủ kín cả gian nhà vì Đồng Tháp Mười vẫn nổi tiếng “muối vi vu như sáo thổi, đĩa lênh bênh như bánh canh”... Chúng tôi ngồi bàn mãi mà chưa tìm ra cách phá cầu. Tôi khuya mới thống nhất một cách đánh đầy mạo hiểm là chọn vài chiến sĩ đặc công dầy dạn, đội đàm bèo lục bình giấu thuốc nổ trong đó, trôi theo dòng nước, bám vào chân cầu mà đánh là chắc ăn.

Gần sáng mới họp xong. Các đồng chí đặc công xin về để kịp chuẩn bị. Tôi và anh Hai Nghiêm vừa đặt mình nằm xuống là ngủ thiếp ngay. Bỗng có điện của R lệnh ngừng phá cầu Bến Lức và lệnh cho Sư đoàn 5 phối hợp với đặc công và bộ đội tỉnh đánh chiếm thị xã Tân An (Long An bây giờ) và giữ cầu Bến Lức để bộ đội ta sử dụng. Tôi vội điện ngay cho đơn vị đặc công và nhờ Tỉnh ủy Long An cho giao liên chạy bộ, cố đuổi kịp mấy đồng chí đặc công đang trên đường về đơn vị. Sau đó lại ngồi uống trà, hút thuốc vật để đợi sáng. Tôi nói với anh Hai Nghiêm: Chiến sự diễn biến quá nhanh, ta phải về gấp kẻo không kịp. Anh Nghiêm trêu tôi: Ngộ nhớ khi điện tôi, đặc công đã cử người đi phá cầu

Bến Lức rồi thì chính ủy Tám Trần chịu trách nhiệm đấy nhé! Khi tôi và anh Hai Nghiêm về tới chỉ huy sở Quân đoàn 232 thì đồng chí Lê Đức Anh và Lê Văn Tường đã ở đó rồi. Các đồng chí phổ biến quyết tâm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương mở chiến dịch Hồ Chí Minh và Quân đoàn 232 được giao nhiệm vụ phụ trách hướng Tây Nam chiến dịch. Lo nhất là làm cách gì để đưa toàn bộ lực lượng của quân đoàn vượt qua sông Vàm Cỏ và những vùng sinh lầy của Đồng Tháp Mười. Nhưng với sức lực, trí tuệ và quyết tâm của bộ đội nên sau đêm 27-4 toàn bộ đội hình Quân đoàn 232 đã vượt sông an toàn, vào vị trí tập kết yên ổn để kịp ngày nổ súng tiến công.

Đúng 0 giờ ngày 28-4, Quân đoàn 232 đánh chiếm thị xã Hậu Nghĩa, diệt chi khu Đức Hòa, mở đường cho đại quân tiến sát vào Sài Gòn. Đêm 29-4, Sư đoàn 9, Quân đoàn 232 kiểm soát được vành đai phòng ngự đê Đại Hàn. Chớp thời cơ, ngay rạng sáng ngày 30-4, Sư đoàn 9 được lệnh vượt qua ngã tư Bảy Hiền đánh thẳng vào mục tiêu đã định, chia lửa với đơn vị đi đầu của Quân đoàn 3 tiến về hướng bộ tổng tham mưu ngụy. Lúc đó, trong nội đô quân ngụy vẫn còn những ổ ngoan cố chống cự, nhưng không còn lực lượng phản động nào cản nổi năm cánh quân dũng mãnh từ năm hướng của chiến dịch Hồ Chí Minh tràn ngập vào hang ổ cuối cùng của địch...

*Thiếu tướng VÃN PHẠC-nguyên Chủ tịch Ủy  
chính trị Quân G*

## Nguồn chi viện to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa

Ngày 25 tháng 04 năm 2005

...Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là sự nghiệp chính nghĩa nên được các nước xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô và Trung Quốc, đồng tình ủng hộ. Sự kiện đoàn đại biểu Chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu, thăm ba nước Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ trong vòng một tháng (22-6 đến 22-7-1955), đã mở đầu thời kỳ các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý trên thế giới ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đánh giá về ý nghĩa quan trọng của sự ủng hộ, giúp đỡ từ bên ngoài đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "10 năm trước đây (1945 - tác giả), chúng ta hầu như cô đơn, chỉ nhờ sức mạnh đoàn kết má cách mạng thắng lợi. Ngày nay, nhân dân ta lại có đại gia đình gồm 900 triệu anh em từ Á sang Âu và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ. Cho nên cuộc đấu tranh chính trị để thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước tuy nhiều khó khăn, nhưng chúng ta nhất định sẽ thắng lợi". Tuy nhiên, Người cũng đồng thời nêu rõ: "Phương châm của ta hiện nay là: tự lực cánh sinh là chính, việc các nước bạn giúp ta là phụ. Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Song nhân dân và cán bộ ta tuyệt đối chớ vì bạn ta giúp nhiều mà đâm ra ỷ lại".

Ngay sau chuyến thăm, theo thỏa thuận giữa Chính phủ ta với Chính phủ Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ, về kinh tế, trong 2 năm Liên Xô giúp ta các thiết bị máy móc, kỹ thuật trị giá 306.000 triệu đồng (ngân hàng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) để khôi phục và phát triển 25 xí nghiệp; Trung Quốc giúp ta khôi phục hệ thống đường sắt, bến tàu, tu sửa cầu đường, xây dựng nhà máy dệt, nhà máy thuốc da, nhà máy giấy... trị giá 1.224.000 triệu đồng trong 5 năm; Mông Cổ giúp ta 500 tấn thịt và một số bò và cừu để lập một nông trường chăn nuôi. Đến cuối năm 1962, Liên Xô đã giúp ta 1.400 triệu rúp, giúp xây dựng 34 nhà máy lớn, 19 nông trường và cải tạo 27 nông trường, một số trường đại học, một bệnh viện lớn...

...Khối lượng hàng quân sự Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ từ năm 1955 đến 1975, qua từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1955 - 1960: tổng số 49.585 tấn, gồm: 4.105 tấn hàng hậu cần, 45.480 tấn vũ khí, trang bị - kỹ thuật; trong đó, Liên Xô viện trợ 29.996 tấn, Trung Quốc viện trợ 19.589 tấn.

- Giai đoạn 1961 - 1964: tổng số 70.295 tấn, gồm: 230 tấn hàng hậu cần, 70.065 tấn vũ khí, trang bị - kỹ thuật; trong đó, Liên Xô 47.223 tấn, Trung Quốc 22.982 tấn, các nước xã hội chủ nghĩa khác 442 tấn.

- Giai đoạn 1965 - 1968: tổng số 517.393 tấn, gồm: 105.614 tấn hàng hậu cần, 411.779 tấn vũ khí, trang bị - kỹ thuật; trong đó, Liên Xô 226.969 tấn, Trung Quốc 170.798 tấn, các nước xã hội chủ nghĩa khác 119.626 tấn.

- Giai đoạn 1969 - 1972: tổng số 1.000.796 tấn, gồm: 316.130 tấn hàng hậu cần, 684.666 tấn vũ khí, trang bị - kỹ thuật; trong đó, Liên Xô 143.793 tấn, Trung Quốc 761.001 tấn, các nước xã hội chủ nghĩa khác 96.002 tấn.

- Giai đoạn 1973 - 1975: tổng số 724.512 tấn, gồm: 75.267 tấn hàng hậu cần, 49.246 tấn vũ khí, trang bị - kỹ thuật; trong đó, Liên Xô 65.601 tấn, Trung Quốc 620.354 tấn, các nước xã hội chủ nghĩa khác 38.557 tấn.

Như vậy, qua 20 năm, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã viện trợ cho Việt Nam tổng khối lượng hàng hoá là 2.362.581 tấn; khối lượng hàng hoá

quân sự trên quy đổi thành tiền, tương đương 7 tỉ rúp.

...Đối với hàng hóa phục vụ quân sự, từ năm 1955 đến 1975, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa chi viện cho ta gồm nhiều chủng loại vũ khí, đạn dược và phương tiện chiến đấu, cụ thể theo bảng số liệu sau:

...Thành quả của cách mạng Việt Nam trong xây dựng đất nước, trong chiến tranh giải phóng Tổ quốc không tách rời sự ủng hộ, giúp đỡ trên tinh thần quốc tế vô sản của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc. Sự ủng hộ, giúp đỡ có hiệu quả đó của các nước trong phe XHCN nói riêng, của bầu bạn khắp nơi trên thế giới nói chung bắt nguồn từ tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, từ đường lối, chính sách ngoại giao, đường lối quốc tế đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, với ảnh hưởng và uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi của chính sách ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh là thắng lợi của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; của chính sách ngoại giao trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, mềm dẻo, có tình, có lý. Chính vì vậy, ở vào thời điểm hai nước Liên Xô và Trung Quốc xảy ra những bất đồng quan điểm, vào lúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam được Mỹ đẩy lên tới mức cao nhất, thì sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc cho cách mạng nước ta vẫn được bảo đảm.

\* Phó Chủ nhiệm Bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Mỹ - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

\*\* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

(1) Các nước XHCN bao gồm: Tiệp Khắc, Ba Lan, Hunggari, Bungari, Rumani, CHDC Đức, CHDCND Triều Tiên và Cu-ba.

*Đại tá Trần Tiến Hoat\* và Thượng úy  
Le Quang Lang*

 TOP